**CHỦ ĐỀ 4**

**MỘT SỐ VẬT LIỆU, NHIÊN LIỆU, NGUYÊN LIỆU, LƯƠNG THỰC – THỰC PHẨM THÔNG DỤNG; TÍNH CHẤT VÀ ỨNG DỤNG CỦA CHÚNG**

**BÀI 11: MỘT SỐ VẬT LIỆU THÔNG DỤNG**

(Thời gian thực hiện: 2 tiết)

**I. Mục tiêu:**

**1. Kiến thức:**

- Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu thông dụng.

- Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất của một số vật liệu thông dụng.

- Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu thông dụng.

- Nêu được cách sử dụng của một số vật liệu an toàn, hiệu quả và đảm bảo sự phát triển bền vững.

**2. Năng lực:**- Năng lực chung:  
+ Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực tìm hiểu về tính chất và ứng dụng của một số vật liệu trong cuộc sống.

+ Giao tiếp và hợp tác: Hoạt động nhóm một cách hiệu quả, đảm bảo các thành viên trong nhóm đều được tham gia và trình bày báo cáo.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Thảo luận hiệu quả với các thành viên trong nhóm để hoàn thành các phương án tìm hiểu tính chất và ứng dụng của vật liệu.

- Năng lực khoa học tự nhiên:

+ Nhận thức khoa học tự nhiên: Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu thông dụng.

+ Tìm hiểu tự nhiên: Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất của vật liệu thông dụng. Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu.

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Sử dụng một số vật liệu an toàn, hiệu quả và đảm bảo sự phát triển bền vững.

**3. Phẩm chất:**

- Cẩn thận, khách quan và trung thực trong thực hành.

- Tuyên truyền tích cực cho việc sử dụng vật liệu tiết kiệm, than thiện môi trường.

- Tham gia tích cực hoạt động nhóm phù hợp với khả năng của bản than.

- Có niềm say mê, hứng thú với việc khám phá và học tập khoa học tự nhiên.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu:**

**-** Hình ảnh 11.1, 11.2, 11.3, 11.4, 11.5

- Thí nghiệm 1: Giấm ăn, đinh sắt, miếng kính, miếng nhựa, miếng cao su, mẫu đá vôi, mẫu sành.

- Thí nghiệm 2: Đèn cồn, kẹp, đinh sắt, dây đồng, gỗ, mẫu nhôm, miếng nhựa, mẫu sành.

- Thí nghiệm 3: Đoạn dây cao su, cốc nước nóng, cốc nước nguội

- Thí nghiệm 4: Cục tẩy, xăng…

- Phiếu học tập:

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **Nhóm: ……** |
| Câu 1: Kể tên một số vật liệu trong cuộc sống mà em biết?  …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  Câu 2: Liệt kê các loại đồ vật hoặc công trình xây dựng được làm từ những loại vật liệu trong hình 11.1?  …………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………  Câu 3: Hoàn thành bảng 11.1   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | Đồng | Nhôm | Sắt | Nhựa | Cao su | Gỗ | | Dây điện |  |  |  |  |  |  | | Phin pha cà phê |  |  |  |  |  |  | | Đồ chơi lego |  |  |  |  |  |  | | Dây phanh xe đạp |  |  |  |  |  |  | | Lốp xe đạp |  |  |  |  |  |  | | Tủ quần áo |  |  |  |  |  |  | |

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **Nhóm: ………** |
| Bảng 11.2: Một số tính chất của vật liệu   |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | |  | Cứng | Dẻo | Giòn | Đàn hồi | Dẫn điện, dẫn nhiệt tốt | Dễ cháy | Bị gỉ | Bị ăn mòn | | Kim loại |  |  |  |  |  |  |  |  | | Cao su |  |  |  |  |  |  |  |  | | Nhựa |  |  |  |  |  |  |  |  | | Gỗ |  |  |  |  |  |  |  |  | | Thủy tinh |  |  |  |  |  |  |  |  | | Gốm |  |  |  |  |  |  |  |  | |

**III. Tiến trình dạy học:**

**A. Khởi động:**

**Hoạt động 1: Hoạt động khởi động**

a. Mục tiêu: Tạo cho học sinh hứng thú về việc tìm hiểu tính chất và ứng dụng của các vật liệu trong đời sống.

b. Nội dung: GV sử dụng phương pháp dạy học nêu và giải quyết vấn đề, tạo cho học sinh hứng thú về việc tìm hiểu tính chất và ứng dụng của các vật liệu trong đời sống.

c. Sản phẩm: HS hứng thú về việc tìm hiểu tính chất và ứng dụng của các vật liệu trong đời sống.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| - **Giao nhiệm vụ:**  GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi | **- Nhận nhiệm vụ** |
| - **Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ**:  GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi sau:  + Lốp xe được chế tạo từ vật liệu gì?  + Tại sao lốp xe lại được chế tạo từ cao su, mà không chế tạo từ các vật liệu khác như sắt, thép, gỗ ….? | **- Thực hiện nhiệm vụ**  HS trả lời câu hỏi  + Cao su |
| Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập và thảo luận |  |
| Bước 4: Kết luận và nhận định  GV: Để tìm hiểu tại sao lốp xe lại được chế tạo từ cao su, mà không chế tạo từ các vật liệu khác như nhôm, thép, gỗ …., ta nghiên cứu trong bài học ngày hôm nay. |  |

**B. Hình thành kiến thức mới**:

**TIẾT 1**

**Hoạt động 2: Tìm hiểu một số vật liệu.**

a. Mục tiêu: GV hướng dẫn HS tìm hiểu một số vật liệu thông dụng.

b. Nội dung: GV tổ chức các hoạt động để làm rõ các mục tiêu trên.

c. Sản phẩm: Phiếu học tập số 1, khái niệm vật liệu

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| - Chuyển giao nhiệm vụ.  GV hướng dẫn HS quan sát thực tế và hình 11.1, 11.2 trong SGK, yêu cầu HS liệt kê được các vật liệu, đồ vật được làm từ vật liệu đó và hoàn thành phiếu học tập số 1 | - **Nhận nhiệm vụ:** |
| - **Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ**:  GV chia lớp thành 2-3 nhóm, yêu cầu HS quan sát hình 11.1, 11.2 trong SGK, hướng dẫn từng nhóm HS thảo luận các nội dung sau:  + Kể tên một số vật liệu trong cuộc sống mà em biết.  + Liệt kê các loại đồ vật hoặc công trình xây dựng được làm từ những loại vật liệu trong hình 11.1.  + Quan sát các sản phẩm trong hình 11.2, em hãy cho biết các sản phẩm đó được làm từ vật liệu gì? | - **Thực hiện nhiệm vụ:**  HS hoạt động nhóm thảo luận các nội dung mà GV đưa ra và hoàn thành phiếu học tập số 1. |
| - **Báo cáo kết quả**:  + GV chọn 1 nhóm lên bảng trình bày kết quả.  + Mời các nhóm khác nhận xét  + GV chốt lại. | - Nhóm được chọn trình bày kết quả.  - Các nhóm khác nhận xét. |
| - Kết luận và nhận định  + GV yêu cầu HS tìm hiểu khái niệm vật liệu và phân biệt được với sản phẩm làm ra từ vật liệu, qua đó biết được ứng dụng của vật liệu. | - Khái niệm: vật liệu là chất hoặc hỗn hợp một số chất được con người sử dụng như nguyên liệu đầu vào trong một quá trình sản xuất hoặc chế tạo để làm ra những sản phẩm phục vụ cuộc sống. |

**Hoạt động 3: Một số tính chất của vật liệu.**

a. Mục tiêu: GV hướng dẫn HS tìm hiểu tính chất của một số vật liệu thông dụng.

b. Nội dung: GV sử dụng phương pháp dạy học nêu và giải quyết vấn đề cùng với việc tổ chức cho học sinh hoạt động nhóm, hướng dẫn HS biết được mỗi vật liệu có tính chất khác nhau.

c. Sản phẩm: HS biết được một số tính chất của vật liệu, phiếu học tập số 2.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.GV tổ chức cho HS thảo luận để hoàn thành nội dung trong bảng 11.2 | - **Nhận nhiệm vụ:** |
| - **Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ**:  GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS thảo luận và gợi ý hoàn thành nội dung trong bảng 11.2 vào phiếu học tập số 2. | - **Thực hiện nhiệm vụ:**  HS hoạt động nhóm thảo luận các nội dung mà GV đưa ra và hoàn thành phiếu học tập số 2. |
| - **Báo cáo kết quả**:  + GV chọn 1 nhóm lên bảng trình bày kết quả.  + Mời các nhóm khác nhận xét  + GV chốt lại. | - Nhóm được chọn trình bày kết quả.  - Các nhóm khác nhận xét. |
| Bước 4: Kết luận và nhận định  + GV nhận xét một số tính chất của các vật liệu: kim loại, cao su, nhựa, gỗ, thủy tinh và gốm. |  |

**Hoạt động 4: Tìm hiểu về khả năng ăn mòn của một số vật liệu.**

a. Mục tiêu: GV hướng dẫn HS tìm hiểu về khả năng ăn mòn của một số vật liệu.

b. Nội dung: GV sử dụng phương pháp dạy học nêu và giải quyết vấn đề giúp học sinh tìm hiểu về khả năng ăn mòn của một số vật liệu.

c. Sản phẩm: HS tìm hiểu về khả năng ăn mòn của một số vật liệu.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.GV tổ chức cho HS làm thí nghiệm 1 trong SGK. | - **Nhận nhiệm vụ:** |
| - **Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ**:  GV chia lớp thành 4 nhóm, hướng dẫn HS làm thí nghiệm 1 trong SGK  + Rót một ít dấm ăn vào cốc thủy tinh lần lượt chứa các vật sau: đinh sắt, kính, miếng nhựa, miếng cao su, mẩu đá vôi, mẩu sành.  + Quan sát hiện tượng xảy ra? | - **Thực hiện nhiệm vụ:**  HS hoạt động nhóm làm thí nghiệm. |
| - **Báo cáo kết quả**:  + GV chọn 1 nhóm lên bảng trình bày kết quả.  + Mời các nhóm khác nhận xét  + GV chốt lại: đinh sắt, mẫu đá vôi có bọt khí thoát ra, các vật khác không có hiện tượng. | - Nhóm được chọn trình bày kết quả.  - Các nhóm khác nhận xét. |
| Bước 4: Kết luận và nhận định  + GV nhận xét: Rót một ít dấm ăn vào cốc thủy tinh lần lượt chứa các vật sau: đinh sắt, kính, miếng nhựa, miếng cao su, mẩu đá vôi, mẩu sành thì đinh sắt, mẫu đá vôi bị ăn mòn. |  |

**Hoạt động 5:**

**Tìm hiểu về tính dẫn nhiệt, khả năng chịu nhiệt của một số vật liệu.**

a. Mục tiêu: GV hướng dẫn HS tìm hiểu về tính dẫn nhiệt, khả năng chịu nhiệt của một số vật liệu.

b. Nội dung: GV sử dụng phương pháp dạy học nêu và giải quyết vấn đề giúp học sinh tìm hiểu về tính dẫn nhiệt, khả năng chịu nhiệt của một số vật liệu.

c. Sản phẩm: HS tìm hiểu về tính dẫn nhiệt, khả năng chịu nhiệt của một số vật liệu.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.GV tổ chức cho HS làm thí nghiệm 2 trong SGK. | - **Nhận nhiệm vụ:** |
| - **Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ**:  GV chia lớp thành 4 nhóm, hướng dẫn HS làm thí nghiệm 2 trong SGK để trả lời các câu hỏi  + Vật liệu nào dễ cháy?  + Vật liệu nào dẫn nhiệt tốt? | - **Thực hiện nhiệm vụ:**  HS hoạt động nhóm làm thí nghiệm. |
| - **Báo cáo kết quả**:  + GV chọn 1 nhóm lên bảng trình bày kết quả.  + Mời các nhóm khác nhận xét  + GV chốt lại: | - Nhóm được chọn trình bày kết quả.  - Các nhóm khác nhận xét. |
| Bước 4: Kết luận và nhận định  + GV nhận xét:  Vật liệu dễ cháy: mẫu gỗ  Vật liệu dẫn nhiệt tốt: đinh sắt, dây đồng, mẫu nhôm. |  |

**Hoạt động 6:**

**Tìm hiểu về khả năng bị ăn mòn, bị gỉ của một số công trình, vật dụng.**

a. Mục tiêu: GV hướng dẫn HS tìm hiểu về khả năng bị ăn mòn, bị gỉ của một số công trình, vật dụng.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS quan sát các hình 11.3, 11.4 và 11.5 trong SGK, HS hiểu được một số công trình bằng kim loại sẽ bị ăn mòn và bị gỉ.

c. Sản phẩm: HS hiểu được một số công trình bằng kim loại sẽ bị ăn mòn và bị gỉ.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.GV tổ chức cho HS quan sát hình 11.3, 11.4 và 11.5 trong SGK. | - **Nhận nhiệm vụ:** |
| - **Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ**:  GV tổ chức cho HS quan sát hình 11.3, 11.4 và 11.5 trong SGK, và gợi ý cho HS thảo luận các nội dung sau:  +Những vật liệu nào dễ bị ăn mòn, bị hoen gỉ dẫn đến hư hỏng công trình, vật dụng?  + Nêu nguyên nhân dẫn đến hư hỏng đó? | - **Thực hiện nhiệm vụ:**  HS hoạt động nhóm làm thí nghiệm. |
| - **Báo cáo kết quả**:  + GV chọn 1 HS lên bảng trình bày kết quả.  + Mời các HS khác nhận xét  + GV chốt lại: | - HS được chọn trình bày kết quả.  - Các HS khác nhận xét. |
| Bước 4: Kết luận và nhận định  + GV nhận xét:  Các công trình, vật liệu làm bằng kim loại dễ bị hư hỏng.  Do các vật liệu này khi tiếp xúc với môi trường chứa các tác nhân ăn mòn (không khí, nước biển, …) sẽ bị ăn mòn và hoen gỉ bởi oxygen trong không khí (hình 11.5), mưa acid (hình 11.3) và môi trường nước biển (hình 11.4). |  |

**Hoạt động 7: Khảo sát tính chất của cao su.**

a. Mục tiêu: GV hướng dẫn HS tìm hiểu một số tính chất cơ bản của cao su.

b. Nội dung: GV sử dụng phương pháp nêu và giải quyết vấn đề, hướng dẫn HS tìm hiểu một số tính chất cơ bản của cao su.

c. Sản phẩm: HS hiểu được một số tính chất cơ bản của cao su.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm làm thí nghiệm 3, 4 trong SGK. | - **Nhận nhiệm vụ:** |
| - **Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ**:  GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm làm thí nghiệm 3, 4 trong SGK và thảo luận các nội dung:  + 8. Đập quả bóng cao su xuống mặt đường hoặc ném vào tường sẽ xảy ra hiện tượng gì?  + 9. Kéo căng sợi dây cao su rồi buông tay, có hiện tượng gì xảy ra?  + 10. Em hãy rút ra tính chất quan trọng của cao su? Kể tên một số ứng dụng của cao su. | - **Thực hiện nhiệm vụ:**  HS hoạt động nhóm làm thí nghiệm. |
| - **Báo cáo kết quả**:  + GV chọn 1 HS lên bảng trình bày kết quả.  + Mời các HS khác nhận xét  + GV chốt lại:  8. Qủa bóng nảy lên và bật ngược lại.  9. Dây co lại nhanh chóng.  10. Cao su có tính đàn hồi tốt, ít bị biến đổi khi gặp nóng hoặc lạnh, cách nhiệt, cách điện, ít bị ăn mòn, không tan trong nước, tan được trong xăng, dầu. Cao su được sử dụng làm săm, lốp xe, bóng cao su, dây chun cột đồ, các chi tiết của đồ dùng điện, máy móc và đồ dùng điện trong gia đình. | - Nhóm được chọn trình bày kết quả.  - Các nhóm khác nhận xét. |
| Bước 4: Kết luận và nhận định  + Từ các nội dung thảo luận ở trên, GV hướng dẫn HS đưa ra kết luận như SGK. |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Ngày soạn: 12/11/2021**  **Ngày dạy: 16/11/2021** | **Tuần 11**  **Tiết 43** |

**TIẾT 2**

**Hoạt động 8: Sử dụng vật liệu an toàn, hiệu quả.**

a. Mục tiêu: GV hướng dẫn HS sử dụng vật liệu an toàn, hiệu quả.

b. Nội dung: Qua việc hướng dẫn quan sát thực tế, GV giúp HS biết cách sử dụng vật liệu an toàn, hiệu quả.

c. Sản phẩm: HS biết cách sử dụng vật liệu an toàn, hiệu quả.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.GV cho HS thảo luận nhóm các nội dung 11, 12, 13. | - **Nhận nhiệm vụ:** |
| - **Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ**:  GV cho HS thảo luận nhóm các nội dung sau đây bằng cách hướng dẫn các em trình bày kết quả thảo luận:  + Cách sử dụng đồ vật bằng nhựa an toàn, hiệu quả  + Cách sử dụng đồ vật bằng cao su an toàn, hiệu quả  + Biện pháp để hạn chế sự hoen, gỉ của kim loại | - **Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận nhóm các nội dung trên, trình bày kết quả thảo luận trên các áp phích hoặc làm slide trình chiếu.  + Hạn chế sử dụng đổ nhựa để đựng nước uống, thực phẩm, thức ăn, nên thay bằng đồ thuỷ tỉnh.  + Không sử dụng hộp nhựa để đựng thực phẩm ở nhiệt độ cao (nước sôi, thức ăn nóng) hay sử dụng trong lò vi sóng nhằm tránh các hoá chất độc hại lây nhiễm vào thức ăn, nước uống.  + Hạn chế cho trẻ em chơi đồ chơi nhựa vì chúng thường được chế tạo từ nhựa tái chế chứa nhiều hoá chất độc hại và các bột kim loại pha sơn tạo màu bắt mắt cho đồ chơi.  + Không nên để các đồ dùng bằng cao su ở nơi có nhiệt độ quá cao (cao su sẽ bị chảy) hoặc ở nơi có nhiệt độ quá thấp (cao su sẽ bị giòn, cứng....). Không để các hoá chất dính vào cao su. Không tẩy giặt bằng xà phòng hay xăng dầu làm biến chất, lão hoá cao su.  + Khi sử đụng các vật liệu bằng kim loại, để tránh hoen gỉ, nên ngăn cách các vật liệu này với môi trường bằng một số biện pháp như sơn phủ bể mặt vật liệu, bôi dầu mỡ, ... |
| - **Báo cáo kết quả**:  + GV chọn 1 nhóm lên bảng trình bày kết quả.  + Mời các nhóm khác nhận xét  + GV chốt lại: | - Nhóm được chọn trình bày kết quả.  - Các nhóm khác nhận xét. |
| Bước 4: Kết luận và nhận định  + Từ các nội dung thảo luận ở trên, GV hướng dẫn HS đưa ra kết luận như SGK.  + GV hướng dẫn HS tìm hiểu cách sử dụng vật liệu an toàn, hiệu quả theo mô hình 3R. | Kết luận: Sử dụng vật liệu an toàn, hiệu quả sẽ bảo vệ sức khỏe con người và tiết kiệm để giảm giá thành sản phẩm. |

**Hoạt động 9:**

**Tìm hiểu việc sử dụng các vật liệu đảm bảo sự phát triển bền vững**

a. Mục tiêu: GV hướng dẫn tìm hiểu việc sử dụng các vật liệu đảm bảo sự phát triển bền vững.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS thảo luận nhóm, hướng dẫn HS quan sát thực tế và các hình 11.9, 11.10 và 11.11 trong SGK, qua đó tìm hiểu việc sử dụng các vật liệu đảm bảo sự phát triển bền vững.

c. Sản phẩm: HS hiểu việc sử dụng các vật liệu đảm bảo sự phát triển bền vững.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.GV cho HS thảo luận nhóm các nội dung 14, 15. | - **Nhận nhiệm vụ:** |
| - **Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ**:  GV cho HS thảo luận nhóm các nội dung 14, 15 sau đây:  + Kể tên một số vật liệu mới được sử dụng trong xây dựng để phát triển bền vững.  + Ưu điểm của một số vật liệu mới so với vật liệu truyền thống trong xây dựng | - **Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận nhóm các nội dung trên, trình bày kết quả thảo luận trên các áp phích hoặc làm slide trình chiếu.  + Kính xây dựng, gạch không nung, gỗ công nghiệp, panen đúc sẵn, …  + Ưu điểm:  Tiết kiệm, chi phí, năng lượng;  Than thiện môi trường;  An toàn cháy nổ;  Đảm bảo kiến trúc, thẩm mĩ;  Tăng nhanh tốc độ xây dựng. |
| - **Báo cáo kết quả**:  + GV chọn 1 nhóm lên bảng trình bày kết quả.  + Mời các nhóm khác nhận xét  + GV chốt lại: | - Nhóm được chọn trình bày kết quả.  - Các nhóm khác nhận xét. |
| Bước 4: Kết luận và nhận định  + Từ các nội dung thảo luận ở trên, GV hướng dẫn HS đưa ra kết luận như SGK. | Kết luận: Sử dụng các vật liệu mới, tiết kiệm kinh tế, tiết kiệm năng lượng, than thiện với môi trường sẽ đảm bảo phát triển bền vững |

**Hoạt động 10: Luyện tập**

a. Mục tiêu: GV hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi trong SGK.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS hoạt động nhóm trả lời các câu hỏi trong SGK.

c. Sản phẩm: HS trả lời các câu hỏi trong SGK.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.GV cho HS thảo luận nhóm trả lời các câu hỏi trong SGK. | - **Nhận nhiệm vụ:** |
| - **Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ**:  GV cho HS thảo luận nhóm, vẽ poster trả lời các bài tập 1, 2 trong SGK. | - **Thực hiện nhiệm vụ:**  HS thảo luận nhóm các nội dung trên, trình bày kết quả thảo luận trên poster |
| - **Báo cáo kết quả**:  + GV chọn 1 nhóm lên bảng trình bày kết quả.  + Mời các nhóm khác nhận xét  + GV chốt lại: | - Nhóm được chọn trình bày kết quả.  - Các nhóm khác nhận xét. |
| Bước 4: Kết luận và nhận định  GV đánh giá hoạt động của các nhóm. |  |

**Hoạt động 11: Vận dụng**

a. Mục tiêu: GV hướng dẫn HS trả lời các câu hỏi trong thực tế.

b. Nội dung: GV hướng dẫn HS hoạt động nhóm trả lời các câu hỏi trong thực tế.

c. Sản phẩm: HS trả lời các câu hỏi trong thực tế.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi trong thực tế | - **Nhận nhiệm vụ:** |
| - **Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ**:  + GV yêu cầu HS hoạt động nhóm thiết kế một áp phích tuyên truyền việc sử dụng vật liệu tái chế để tạo ra những sản phẩm có ứng dụng trong đời sống hàng ngày.  + Vật dụng nào sau đây là thân thiện với môi trường: pin máy tính, túi ni long, ống hút làm từ bột gạo? | - **Thực hiện nhiệm vụ:**  +HS hoạt động nhóm thiết kế một áp phích  + Ống hút làm từ bột gạo. |
| - **Báo cáo kết quả**:  + GV chọn 1 nhóm lên bảng trình bày kết quả.  + Mời các nhóm khác nhận xét  + GV chốt lại: | - Nhóm được chọn trình bày kết quả.  - Các nhóm khác nhận xét. |
| Bước 4: Kết luận và nhận định  GV đánh giá hoạt động của các nhóm. |  |

**C. Dặn dò**

- Học sinh làm bài tập SGK, SBT

- Chuẩn bị bài mới trước khi lên lớp

**D. Kiểm tra đánh giá thường xuyên**

- Kết thúc bài học, Gv cho học sinh tự đánh giá theo bảng sal:

Họ và tên học sinh: …………………........................................ Lớp: …………………

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Các tiêu chí** | **Tốt** | **Khá** | **TB** | **Chưa đạt** |
| Chuẩn bị bài trước khi đến lớp |  |  |  |  |
| Tham gia hoạt động nhóm theo yêu cầu của GV |  |  |  |  |
| Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu thông dụng |  |  |  |  |
| Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất của một số vật liệu thông dụng. |  |  |  |  |
| Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu thông dụng. |  |  |  |  |
| Nêu được cách sử dụng của một số vật liệu an toàn, hiệu quả và đảm bảo sự phát triển bền vững. |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Ngày soạn: 12/11/2021**  **Ngày dạy: 16/11/2021** | **Tuần 11**  **Tiết 44** |

**BÀI 12: NHIÊN LIỆU VÀ AN NINH NĂNG LƯỢNG**

(Thời gian thực hiện: 2 tiết)

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức:**

- Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nhiên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất.

- Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất của một số nhiên liệu thông dụng.

- Thu thập được dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số nhiên liệu.

- Nêu được cách sử dụng một số nguyên liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững.

**2. Năng lực:**

- Năng lực chung:

+ NL tự học và tự chủ: Xác định nhiệm vụ học tập, tìm kiếm thông tin trả lời các câu hỏi, thực hiện được các nhiệm vụ học tập.

+ NL giải quyết vấn đề và sáng tạo: Phân tích và giải quyết được tình huống học tập; tình huống khi thảo luận.

+ NL giao tiếp và hợp tác: Phân công nhiệm vụ, trao đổi thông tin cùng giải quyết các nhiệm vụ học tập, hình thành kĩ năng làm việc nhóm.

- Năng lực khoa học tự nhiên:

+ Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nhiên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất như: than, gas, xăng dầu, ...; sơ lược về an ninh năng lượng;

+ Thu thập được dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số nhiên liệu..

+ Nêu được cách sử dụng một số nguyên liệu, nhiên liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững.

**3. Phẩm chất:**

- Chăm chỉ, chịu khó tìm tòi tài liệu và thực hiện các nhiệm vụ cá nhân nhằm tìm hiểu về tính chất và ứng dụng của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng.

- Có trách nhiệm trong hoạt động nhóm, chủ động nhận và thực hiện nhiệm vụ thí nghiệm, thảo luận về tính chất và ứng dụng của một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực, thực phẩm thông dụng.

- Trung thực, cẩn thận trong thực hành, ghi chép kết quả thí nghiệm xác định tính chất của vật liệu.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Máy tính, máy chiếu.

- Phiếu học tập số 1, 2.

- Giấy A3, bút dạ nhiều màu

- Phiếu học tập:

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **NHÓM: ………** |
| 1. Hãy đánh dấu **X** tương ứng tên nhiên liệu sử dụng trong cuộc sống.  |  |  | | --- | --- | | **Tên** | **Nhiên liệu** | | 1. Kim loại |  | | 1. Xăng |  | | 1. Gas |  | | 1. Rượu |  | | 1. Nến |  | | 1. Cồn |  | | 1. Cát |  |  1. Ở một số hộ gia đình chăn nuôi gia súc (lợn, trâu, bò) thường làm một hầm kín để chứa toàn bộ phân chuồng. Ở đó, phân chuồng bị phân huỷ và sinh ra biogas (khí sinh học). Biogas được sử dụng để phục vụ quá trình đun nấu. Vậy biogas có phải là nhiên liệu không? Tại sao?   Trả lời: ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… |

|  |
| --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **NHÓM: ………** |
| 1. Hãy nối tên nhiên liệu tương ứng với tên ứng dụng chính của nó sao cho phù hợp:  |  |  | | --- | --- | | Nhiên liệu | Ứng dụng chính | | Xăng, dầu | Đun nấu, sưởi ấm | | Củi | Thắp sang, đun nấu | | Ga, biogas | Chạy động cơ |  1. Trong gia đình em thường sử dụng nguồn nhiên liệu nào để đun nấu? Em hãy đề xuất biện pháp để sử dụng nhiên liệu đó một cách hiệu quả.   ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………… |

**III. Tiến trình dạy học**

**A. Khởi động**

**Hoạt động 1: Chơi trò chơi “ Đoán ý đồng đội” (10 phút)**

a. Mục tiêu: Giúp học sinh xác định được vấn đề cần học tập là tìm hiểu tính chất và ứng dụng của một số nhiên liệu thông dụng trong cuộc sống và sản xuất.

b. Nội dung: - HS chơi trò chơi “đoán ý đồng đội”.

- HS làm việc nhóm.

c. Sản phẩm: Nắm được vấn đề cần nghiên cứu của bài học.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| **- Thông báo luật chơi:**  + GV tổ chức trò chơi “Đoán ý đồng đội”, sử dụng các từ khóa:  “Gas, xăng, cồn, than đá…”  Luật chơi: 1 đội chọn 2 thành viên, thành viên thứ nhất nhận từ khóa diễn giải cho thành viên còn lại đưa ra đáp án. Thời gian: 10s/từ khóa. Mỗi câu trả lời đúng được 50 điểm; sai: 0 điểm. | - Ghi nhớ luật chơi |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.**Các nhóm chọn thành viên và bắt đầu trò chơi | - Nhận nhiệm vụ, thực hiện trò chơi |
| **- Nhận xét đánh giá** | - Lắng nghe |
| - Chốt lại và đặt vấn đề vào bài: Con người đã biết sử dụng nhiên liệu (củi, than, gas…) để đun nấu từ rất sớm. Tuy nhiên nguồn nhiên liệu này có xu hướng cạn kiệt dần, vậy cần nguồn nhiên liệu nào để thay thế trong tương lai. | - Chuẩn bị sách vở học bài |

**B. Hình thành kiến thức mới**

**TIẾT 1**

**Hoạt động 2: Tìm hiểu một số nhiên liệu thông dụng (15 phút)**

a. Mục tiêu:Nhận biết và lấy được ví dụ một số nhiên liệu thông dụng.

b. Nội dung:GV tổ chức cho học sinh hoạt động theo cặp đôi để làm rõ được mục tiêu trên.

c. Sản phẩm:Phiếu học tập 1.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.GV sử dụng phương pháp quan sát thực tế và hình 12.1 trong SGK, qua đó hướng dẫn HS nhận biết được một số nhiên liệu xung quanh ta thông qua phiếu học tập số 1.** | - Nhận nhiệm vụ |
| **- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:**  **+** Mỗi bàn có 2 bạn sẽ ghép thành 1 cặp đôi, thảo luận và hoàn thành phiếu học tập số 1. | - Thực hiện nhiệm vụ thảo luận đôi hoàn thành phiếu học tập số 2 |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập và thảo luận**  **+** Chọn 1 cặp đôi lên bảng trình bày kết quả  + Mời nhóm khác nhận xét  + GV nhận xét sau khi các nhóm đã có ý kiến nhận xét bổ sung | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| **Bước 4: Kết luận và nhận định**Nhiên liệu(chất đốt) khi cháy đều tỏa nhiệt và ánh sáng. Dựa vào trạng thái người ta phân loại nhiên liệu thành nhiên liệu khí đốt(gas, khí than,…), nhiên liệu lỏng( xăng, dầu…), nhiên liệu rắn (củi, sáp)**.** | - Ghi kết luận vào vở |

**Hoạt động 3: Tìm hiểu tính chất và ứng dụng của một số nhiên liệu thông dụng (20 phút)**

a. Mục tiêu:Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nhiên liệu.

b. Nội dung: **GV sử dụng kĩ thuật mảnh ghép để tổ chức HS thành các nhóm chuyên gia và nhóm mảnh ghép rồi cho HS thảo luận trình bày kết quả theo bảng 12.1.**

c. Sản phẩm: Mảnh ghép tổng thể

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.**hướng dẫn HS quan sát trạng thái và tìm hiểu một số tính chất và ứng dụng của nhiên liệu, tổ chức cho HS thảo luận theo nội dung trong SGK.  + Một tờ giấy A3 được chia thành 4 phần, mỗi bạn sử dụng 1 góc, mỗi góc ghi đặc điểm của một loại nhiên liệu ( Bảng 15.1)  + Thời gian thực hiện nhiệm vụ là 3 phút. Sau khi thực hiện xong mỗi bạn là chuyên gia, chia sẻ, thảo luận để cả nhóm hoàn thành bảng 15.1. | - Nhận nhiệm vụ |
| **- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:**  **+** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm, tiến hành thực hiện nhiệm vụ |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập và thảo luận**  - Mời 1 nhóm lên bảng trình bày kết quả. Các nhóm khác đổi chéo cho nhau để chấm điểm sau khi GV cho đáp án  - Mời nhóm khác nhận xét  - GV phân tích , chọn phương án   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | Nhiên liệu/ Đặc điểm. | Củi | Than | Xăng | Gas | | Trạng thái | **Rán** | **Rắn** | **Lỏng** | **Khí** | | Khả năng cháy | **Củi khô dẻ cháy, nhiều khói, tương đối an toàn.** | **Cháy, tạo khói gây ô nhiễm môi trường do phát thải khí carbon monoxide, carbon dioxide.** | **Dễ cháy khi tiếp xúc với không khí, có tính kích nổ, dễ gây nguy hiểm.** | **Rất dẻ cháy, ngọn lùa không có khói.** | | ứng dụng | **Nhiên liệu đun nấu rẻ tién, thông dụng, tận dụng các loại gỗ phế phẩm.** | **Nhiên liệu cho quá trình sản xuất điện, đốt cháy trong lò nung.** | **Nhiên liệu chạy động cơ xe máy, máy phát điện, ô tô, máy bay.** | **Nhiên liệu đun nấu, lògas, bếp gas,đèn khí, bật lửa gas,**.**..** | | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| **- Đánh giá**  + Mỗi đặc điểm đúng của nhiên liệu sẽ được 2,5 điểm  + Yêu cầu học sinh chấm điểm cho các nhóm  + GV thu phiếu học tập để kiểm tra xem các nhóm chấm đúng hay không và lấy điểm | - Các nhóm chấm điểm cho nhóm bạn, báo cáo điểm nhóm bạn |
| **- Tổng kết**  + Yêu cầu học sinh nêu tính chất đặc trưng của nhiên liệu  🡪 Tính chất đặc trung của nhiên liệu là khả năng cháy và tỏa nhiệt. Dựa vào tính chất của nhiên liệu mà người ta sử dụng chúng vào những mục đích khác nhau. | - Trả lời câu hỏi  - Ghi kết luận vào vở |

|  |  |
| --- | --- |
| **Ngày soạn: 19/11/2021**  **Ngày dạy: 22/11/2021** | **Tuần 12**  **Tiết 45** |

**TIẾT 2**

**Hoạt động 4: Tìm hiểu cách sử dụng một số nhiên liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững (15 phút)**

a. Mục tiêu: Nêu được cách sử dụng một số nhiên liệu an toàn, hiệu quả.

b. Nội dung: **GV sử dụng phương pháp tổ chức thuyết trình trên lớp sản phẩm sơ đồ tư duy HS đã làm ở nhà.**

c. Sản phẩm: Sơ đồ tư duy của HS.

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.**  + Mỗi nhóm trình bày sơ đồ tư duy. Sau đó GV đặt câu hỏi cho cá nhân HS trả lời. (câu 4,5,6 SGK). | - Nhận nhiệm vụ |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm, tiến hành thực hiện nhiệm vụ |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập và thảo luận**  + Các nhóm treo sản phẩm và trình bày sản phẩm.  + Các nhóm còn lại đặt câu hỏi và nhận xét  + GV đánh giá và nhận xét và cho điểm | - Theo dõi, lắng nghe đánh giá của các nhóm khác và giáo viên |
| **Bước 4: Kết luận và nhận định**  🡪 Sử dụng nhiên liệu an toàn hiệu quả sẽ giúp giảm thiểu các nguy cơ cháy nổ, tiết kiệm chi phí trong cuộc sống và sản xuất. | - Học sinh lắng nghe và trả lời các câu hỏi |

**Hoạt động 5: Sử dụng một số nhiên liệu bảo đảm sự phát triển bền vững-an ninh năng lượng (12 phút)**

a. Mục tiêu: Nêu được cách sử dụng một số nhiên liệu bảo đảm sự phát triển bền vững.

b. Nội dung: **Sử dụng phưong pháp dạy học theo nhóm, hướng dẫn HS tìm hiểu việc sử dụng nhiên liệu bảo đảm sự phát triển bền vững.**

c. Sản phẩm:

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.**  + **Chia lớp thành 4 nhóm, tổ chức hoạt động nhóm thảo luận các nội dung 7,8 và 9 trong SGK, sau đó yêu cầu các nhóm báo cáo kết quả.** | - Nhận nhiệm vụ |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV hướng dẫn HS thảo luận và hoàn thành nội dung:  1. Tại sao nói nhiên liệu hoá thạch thuộc loại nhiên liệu không tái tạo?  2. Nhiên liệu hoá thạch khi đốt cháy tạo ra sản phẩm gì? Tác hại với môi trường như thế nào?  **3. Để nguồn tài nguyên nhiên liệu không bị cạn kiệt và bảo vệ môi trường, em đã quan tâm đến nguồn năng lượng thay thế nào? Nêu ưu điểm của các loại nhiên liệu này.** | - Tiến hành thực hiện nhiệm vụ |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập và thảo luận**  - Mời các nhóm trình bày kết quả.  - Mời nhóm khác nhận xét. | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| **- Đánh giá**  + GV phân tích , đưa ra đáp án đúng | - Các nhóm lắng nghe và bổ sung, sửa chữa bài của nhóm mình. |
| **Bước 4: Kết luận và nhận định**  **+ Từ hoạt động này, GV hướng dẫn HS rút ra kết luận về an ninh nàng lượng theo SGK.** | - HS rút ra được cách sử dụng nhiên liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững. |

**Hoạt động 6: Luyện tập (10 phút)**

a. Mục tiêu**:** Tổng hợp được một số kiến thức đã học.

b. Nội dung:Hoạt động nhóm: “thiết kế một poster tuyên truyền về việc sử dụng nhiên liệu bảo đảm sự phát triển bền vững và an ninh năng lượng”

c. Sản phẩm: Bảng poster

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.**  + **+** Thiết kế một poster tuyên truyền về việc sử dụng nhiên liệu bảo đảm sự phát triển bền vững và an ninh năng lượng. | - Nhận nhiệm vụ |
| **- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:**  +Thiết kế một poster tuyên truyền: khẩu hiệu ngắn gọn xúc tích, hình ảnh đặc sắc.  **+** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Làm poster |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập và thảo luận**  + Các nhóm treo poster lên bảng. GV đánh giá | - Theo dõi đánh giá của giáo viên |
| **Bước 4: Kết luận và nhận định**  + Đánh giá được nhóm nào thiết kế poster với nội dung và hình ảnh tốt. Khen ngợi học sinh | - Học sinh lắng nghe |

**Hoạt động 7: Vận dụng (8 phút)**

a. Mục tiêu: Phát triển năng lực tự học và năng lực tìm hiểu đời sống.

b. Nội dung:Dùng phiếu học tập trả lời các câu hỏi.

c. Sản phẩm: Phiếu trả lời câu hỏi của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| **- Giao nhiệm vụ:**  + Trả lời câu hỏi dưới đây vào phiếu học tập, tiết sau nộp lại cho GV | - Nhận nhiệm vụ |
| **- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:**  **+** Thực hiện tại nhà, GV đưa ra hướng dẫn cần thiết | - Thực hiện nhiệm vụ ở nhà |
| **- Báo cáo kết quả:**  + Tiết học tiếp theo nộp phiếu trả lời cho GV | - Theo dõi đánh giá của giáo viên |

**C. Dặn dò**

- Học sinh làm bài tập, trong phiếu trên lớp, SGK, SBT.

- Chuẩn bị bài mới trước khi lên lớp.

**D. Kiểm tra đánh giá thường xuyên**

- Kết thúc bài học, Gv cho học sinh tự đánh giá theo bảng sau

Họ và tên học sinh

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Các tiêu chí | Tốt | Khá | TB | Chưa đạt |
| Chuẩn bị bài trước khi đến lớp |  |  |  |  |
| Tham gia hoạt động nhóm theo yêu cầu của GV |  |  |  |  |
| Nêu được khái niệm khoa học tự nhiên |  |  |  |  |
| Nêu được vai trò của khoa học tự nhiên |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Ngày soạn: 19/11/2021**  **Ngày dạy: 22/11/2021** | **Tuần 12**  **Tiết 46** |

**BÀI 13: MỘT SỐ NGUYÊN LIỆU**

(Thời gian thực hiện: 1 tiết)

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số nguyên liệu thường dùng trong sản xuất và trong công nghiệp ( quặng, đá vôi…)

- Đề xuất được phương án tìm hiểu một số tính chất của một số nguyên liệu.

- Thi thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số nguyên liệu.

- Nêu được cách sử dụng của một số nguyên liệu an toàn, hiệu quả và đảm bảo sự phát triển bền vững.

**2. Năng lực**

**- Năng lực chung :**

+ Tự chủ và tự học: Chủ động, tích cực tìm hiểu về tính chất và ứng dụng của của một số vật liệu trong cuộc sóng;

+ Giao tiếp và hợp tác: Hoạt động nhóm một cách hiệu quả, đảm bảo các thành viên trong nhóm đều được tham gia và trình bày báo cáo;

+ Giải quyết vấn để và sáng tạo: Thảo luận hiệu quả với các thành viên trong nhóm để hoàn thành các phương án tìm hiểu tính chất và ứng dụng của vật liệu.

**- Năng lực khoa học tự nhiên:**

+ Nhận thức khoa học tự nhiên: Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số vật liệu thông dụng;

+ Tim hiểu tự nhiên: Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất của một số vật liệu thông dụng; Thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về tính chất của một số vật liệu;

+ Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Sử dụng một số vật liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững.

**3. Phẩm chất**

- Cẩn thận, khách quan và trung thực trong thực hành;

- Tuyên truyền viên tích cực cho việc sửdụng vật liệu tiết kiệm, thân thiện môi trường;

- Tham gia tích cực hoạt động nhóm phù hợp với khả năng của bản thân;

- Có niềm say mê, hứng thú với việc khám phá và học tập khoa học tự nhiên.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Chuẩn bị của giáo viên:Giáo án, sgk. Bảng phụ trang 74. Tranh phóng to H 16.1; 16.2; 16.3 SGK. Phiếu học tập. Máy chiếu, laptop(nếu có)

- Chuẩn bị của học sinh:SGK, vở ghi, vở bài tập, đọc trước bài ở nhà.

**III. Tiến trình bài dạy**

**\* Kiểm tra bài cũ:**

HS1: Trình bày một số tính chất và ứng dụng của nhiên liệu.

HS2: Trình bày lợi ích của việc sử dụng nhiên liệu an toàn, hiệu quả.

**A. Khởi động:**

**Hoạt động 1: Khởi động**

a. Mục tiêu:Tạo hứng thú cho học sinh trước khi bước vào bài mới

b. Nội dung:Tổ chức trò chơi ô chữ.

c. Sản phẩm:Lời giới thiệu của giáo viên, câu hỏi của GV và câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức hoạt động:Học sinh trả lời các câu hỏi để tìm ô hàng ngang

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  | **1** |  |  |  |  |  | **C** | **Ứ** | **N** | **G** |  |  |  |
|  | **2** |  |  |  |  | **B** | **I** | **O** | **G** | **A** | **S** |  |  |
|  | **3** |  |  |  |  |  |  | **Đ** | **U** | **N** | **N** | **Ấ** | **U** |
|  | **4** |  |  |  |  | **C** | **H** | **Á** | **Y** |  |  |  |  |
|  | **5** |  |  |  |  |  |  | **B** | **Ê** | **T** | **Ô** | **N** | **G** |
|  | **6** |  |  |  |  |  | **S** | **I** | **N** | **H** | **H** | **Ọ** | **C** |
|  | **7** |  |  |  |  | **K** | **I** | **M** | **L** | **O** | **Ạ** | **I** |  |
|  | **8** |  |  | **T** | **H** | **Ủ** | **Y** | **T** | **I** | **N** | **H** |  |  |
|  | **9** | **N** | **H** | **I** | **Ê** | **N** | **L** | **I** | **Ệ** | **U** |  |  |  |
|  | **10** |  |  |  | **C** | **A** | **O** | **S** | **U** |  |  |  |  |

- GV cho HS chọn ô hàng ngang và trả lời câu hỏi tương ứng:

Câu 1: (4 ô chữ): Một trong các tính chất đặc trưng của kim loại.

Câu 2: (6 ô chữ): Nhiên liệu lỏng được sử dụng để phục vụ quá trình đun nấu.

Câu 3: (6 ô chữ): Củi thường được dùng để làm gì?

Câu 4: (4 ô chữ): Một trong các tính chất đặc trưng của nhiên liệu.

Câu 5: (5 ô chữ): Hỗn hợp gồm cát vàng, sỏi, xi măng được dùng để xây nhà.

Câu 6: (7 ô chữ): Loại nhiên liệu được hình thành từ các hợp chất có nguồn gốc động thực vật.

Câu 7: (7 ô chữ): Vật liệu có tính dẫn điện, dẫn nhiệt, dễ bị ăn mòn

Câu 8: (8 ô chữ): Vật liệu thường được sử dụng làm bể cá.

Câu 9: (9 ô chữ): Các chất khi cháy đề tỏa nhiệt và phát sáng được gọi là gì?

Câu 10: (5 ô chữ): Vật liệu không dẫn điện, không dẫn nhiệt, có tính đàn hồi tốt.

- GV nhận xét và giới thiệu bài: Các công trình xây dựng, đồ dùng trong nhà đều được làm từ các nguyên liệu có sẵn trong tự nhiên như đá, cát, gỗ, kim loại …

Vậy nguyên liệu có tính chất gì? Chúng được khai thác và sử dụng như thế nào?

**B. Hình thành kiến thức**

**Hoạt động 2: Tìm hiểu một số nguyên liệu thông dụng**

a. Mục tiêu:Phát biểu được thế nào là nguyên liệu lấy được ví dụ minh họa

b. Nội dung:Quan sát hình 16.1. hoàn thành phiếu trả lời câu hỏi theo nhóm

Phiếu học tập: Nối cột A với cột B sao cho phù hợp

|  |  |
| --- | --- |
| **Cột A** | **Cột B** |
| Hình 16.1.a | Cát |
| Hình 16.1.b | Quặng bauxiet |
| Hình 16.1.c | Đá vôi |
| Hình 16.1.d | Tre |

c. Sản phẩm:Là phiếu học tập của học sinh được hoàn thành

d. Tổ chức hoạt động

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | | Hoạt động của học sinh |
| **Bước 1 : Chuyển giao nhiệm vụ học tập** | | |
| GV cho HS quan sát tranh hình 16.1 | | Học sinh quan sát tranh |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** | | |
| GV đưa ra các câu hỏi thảo luận nhóm đôi; thảo luận nhóm trong phiếu học tập | | Học sinh hoạt động nhóm đôi; hoạt động nhóm trả lời bằng cách hoàn thành phiếu |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** | | |
| - Qua phiếu học tập:  + Hoạt động nhóm đôi nhận biết được các nguyên liệu trong hình 16.1  + Hoạt động nhóm HS biết được có thể tạo nên vật liệu và sản phẩm nào từ các nguyên liệu trong hình 16.1  - GV chốt lại :  + Đá vôi được nung thành vôi để xây nhà thì vôi là vật liệu và nhà là sản phẩm.  + Đá vôi và cát dùng để sản xuất xi măng làm đường bê tông thì xi măng là vật liệu và đường bê tông là sản phẩm.  + Quặng bauxite là nguyên liệu dùng để sản xuất vật liệu nhôm.  + Tre là nguyên liệu cho ngành sản xuất đan lát: rổ, rá, chiếu, mành, rèm,... | | + Đại diện nhóm đôi trình bày kết quả thảo luận  Hình 16.1.a - Đá vôi  Hình 16.1.b - Quặng bauxiet  Hình 16.1.c - Cát  Hình 16.1.d - Tre  + Đại diện nhóm HS trình bày kết quả thảo luận nhóm |
| **Bước 4: Kết luận và nhận định** | | |
| GV tổng kết kiến thức | - Các nhóm học sinh đánh giá đồng đẳng.  - Học sinh nghe | |

**NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT PHẦN I:**

- **Nguyên liệu** là vật liệu tự nhiên (vật liệu thô) chưa qua xử lí và cần được chuyển hoá để tạo ra sản phẩm.

- Ví dụ: Đá vôi, đất sét, quặng bauxiet …

**Hoạt động 3: Tìm hiểu một số tính chất và ứng dụng của nguyên liệu**

a. Mục tiêu:Phân biệt được tính chất và ứng dụng của một số nguyên liệu thông dụng.

b. Nội dung:Hoàn thành bảng 16.1. Thảo luận nhóm trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm:Là các câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức hoạt động:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
| **Bước 1 : Chuyển giao nhiệm vụ học tập** | |
| Yêu cầu HS đọc bảng 16.1 | Đọc bảng 16.1 |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** | |
| Chia HS thành 4 nhóm đặt tên các nhóm lần lượt là : Nhóm Đá vôi; Nhóm Quặng; Nhóm Cát và Nhóm Nước biển Cứ 2 nhóm cùng tìm hiểu một nội dung trong bảng 16.1. | Học sinh thảo luận nhóm 2 phut hoàn thành nhiệm vụ của nhóm được giao. |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** | |
| - Nhóm Đá vôi và Nhóm Quặng tìm hiểu tính chất và ứng dụng của quặng; Đá vôi.  - Nhóm Cát và Nhóm Nước biển tìm hiểu tính chất và ứng dụng của Cát; Nước biển. | - HS trao đổi nhóm, nêu được:**Bảng 16.1. Một số tính chất và ứng dụng của nguyên liệu phổ biến**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | NL  ĐĐ | Đá vôi | Quặng | Cát | Nước biển | | Trạng thái | Rắn | Rắn | Rắn | Lỏng | | Tính chất cơ bản | -Cứng  -Tạo thành vôi khi bịphânhuỷ -Ăn mòn tạo thành thạch nhũ trong hang động | -Cứng   * Dẫn nhiệt * Bị ăn mòn | - Dạng hạt, cứng -Tạo với xi măng thành hỗn hợp kết dính | Khi làm bay hơi nước sẽ thu được muối ăn | | ứng dụng | Sản xuất vật liệu xây dựng: vôi, xi măng,... | Điều chế kim loại, sản xuất phân bón,... | Sản xuất thuỷ tinh, bẽ tông,... | Sản xuất muôi ăn, xút, khí chlorine, |   - Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận nhóm |
| **Bước 4: Kết luận và nhận định** | |
| GV tổng kết kiến thức | - Các nhóm học sinh đánh giá đồng đẳng.  Học sinh ghi nội dung vào vở |

**NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT PHẦN 2**

- Các nguyên liệu khác nhau có tính chất khác nhau như: tính cứng, dẫn điện, dẫn nhiệt, khả năng bay hơi, cháy, hoà tan, phân huỷ, ăn mòn,...

- Dựa vào tính chất của nguyên liệu mà ta sử dụng chúng vào những mục đích khác nhau.

**Hoạt động 4: Tìm hiểu về việc khai thác nguyên liệu khoáng sản**

a. Mục tiêu:Biết tác hại của việc khai thác, sử dụng nguyên liệu không hợp lý.

b. Nội dung:Quan sát hình 16.2; 16.3 để trả lời câu hỏi

c. Sản phẩm:Là các câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức hoạt động

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
| **Bước 1 : Chuyển giao nhiệm vụ học tập** | |
| Yêu cầu HS quan sát hình 16.2; 16.3 | HS quan sát hình |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** | |
| GV đưa ra các câu hỏi thảo luận. | Học sinh thảo luận trả lời câu hỏi. |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** | |
| - Quan sát hình 13.2 và 13.3,  + Em hãy cho biết việc khai thác các nguyên liệu khoáng sản tự phát có đảm bảo an toàn không? Giải thích.  + Sử dụng nguyên liệu như thế nào để đảm bảo an toàn, hiệu quả?  \* Bài tập: Tại sao phải sử dụng nguyên liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững?  - GV bổ sung : Hiện nay một số loại nguyên liệu bị khai thác quá mức đến cạn kiệt vì vậy cần sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên khoáng sản, nước, biển, đất, năng lượng tái tạo; tăng cường công tác chống thoái hóa, ô nhiễm đất , lập quy hoạch bảo vệ bền vững các loại hình tài nguyên chiến lược; nâng cao chất lượng quy hoạch các loại tài nguyên gắn với tác động của biến đổi khí hậu.  Ngoài ra, cần có định hướng nhập khẩu các loại khoáng sản chiến lược đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế lâu dài; tăng cường chế biến, không xuất khẩu khoáng sản thô, trái phép và tái cơ cấu ngành công nghiệp khoáng sản gắn với chế biến sâu. | HS : trả lời  - HS nêu được:  + Việc khai thác các nguyên liệu khoáng sản tự phát không đảm bảo an toàn do thiếu hạ tầng kĩ thuật phù hợp để phục vụ khai thác.  + Nguyên liệu phải được sử dụng tối đa theo quy trình khép kín để tận dụng các phụ phẩm và phế thải.  - HS nêu được:  Nguyên liệu sản xuất không phải là nguồn tài nguyên vô hạn. Do đó, cẩn sử dụng chúng một cách hiệu quả, tiết kiệm, an toàn và hài hoà về lợi ích kinh tế, xã hội, môi trường. |
| **Bước 4: Kết luận và nhận định** | |
| GV tổng kết kiến thức | HS đánh giá đồng đẳng  Học sinh ghi nội dung vào vở |

**NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT PHẦN 3.1**

- Nguyên liệu khoáng sản là tài sản của quốc gia. Mọi cá nhân, tổ chức khai thác phải được cấp phép theo Luật Khoáng sản.

- Tận thu nguyên liệu sẽ làm cạn kiệt tài nguyên.

- Khai thác nguyên liệu trái phép có thể gây nguy hiểm do mất an toàn lao động, ảnh hưởng đến môi trường.

**Hoạt động 5: Tìm hiểu việc sử dụng nguyên liệu**

a. Mục tiêu:Biết sử dụng nguyên liệu an toàn, hiệu quả**.** Qua đó giáo dục HS ý thức bảo vệ môi trường xanh, sạch, đẹp

b. Nội dung:Tìm hiểu việc sử dụng nguyên liệu qua sơ đổ chuỗi cung ứng nguyên liệu khép kín.

c. Sản phẩm:Là các câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức hoạt động

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
| **Bước 1 : Chuyển giao nhiệm vụ học tập** | |
| Yêu cầu HS phân tích sơ đổ chuỗi cung ứng nguyên liệu khép kín (hình 16.4) trong SGK. | HS sơ đồ hình 16.4 |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập** | |
| GV chia HS thành 4 nhóm sau đó yêu cầu các nhóm thảo luận nội dung 6 trong SGK. | Học sinh thảo luận trả lời câu hỏi. |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận** | |
| GV hướng dẫn HS phân tích sơ đổ chuỗi cung ứng nguyên liệu khép kín (hình 16.4) trong SGK.    - Em hãy nêu một số biện pháp sử dụng nguyên liệu an toàn, hiệu quả và bảo đảm sự phát triển bền vững.  GV bổ sung: Sử dụng theo chuỗi cung ứng mô hình 3R: Giảm thiểu (Reduce);Tái sử dụng (Re- use);Tái chế (Recycle). | HS :  - Tháo luận nhóm trong thời gian 2 phút để phân tích sơ đồ hình 16.4  - Đại diện nhóm trình bày nội dung thảo luận  HS trả lời. |
| **Bước 4: Kết luận và nhận định** | |
| GV tổng kết kiến thức | HS đánh giá đồng đẳng.  Học sinh ghi nội dung vào vở. |

**NỘI DUNG KIẾN THỨC CẦN ĐẠT PHẦN 3.2**

- Nguyên liệu sản xuất không phải là nguồn tài nguyên vô hạn, do đó cần sử dụng chúng một cách hiệu quả, tiết kiệm, an toàn và hài hoà để đảm bảo lợi ích kinh tế, xã hội và môi trường.

- Sử dụng tối đa chất thải công nghiệp, chất thải dân dụng làm nguyên liệu để sản xuất vật liệu xây dựng thay cho nguyên liệu tự nhiên.

- Hạn chế xuất khẩu nguyên liệu thô mà nên đầu tư công nghệ sản xuất những sản phẩm có giá trị.

Quy hoạch khai thác nguyên liệu quặng, đá vôi theo công nghệ hiện đại, quy trình khép kín,... để tăng hiệu suất khai thác tài nguyên và bảo vệ môi trường

**Hoạt động 6: Luyện tập**

a. Mục tiêu: Ôn tập lại các kiến thức vừa được học

b. Nội dung:hệ thống câu hỏi ôn tập tự luận và trắc nghiệm

c. Sản phẩm:Các câu hỏi được trả lời

d. Tổ chức hoạt động:Vấn đáp học sinh hoặc hoạt động nhóm

**NỘI DUNG CÂU HỎI LUYỆN TẬP:**

**1. Nối nội dung ở cột bên trái với nội dung ở cột bên phải sao cho phù hợp**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cột trái** | **Cột phải** | **Đáp án** |
| 1. Quặng | a. Tạo thành vôi khi bị phân hủy |  |
| 2 Nước biển | b. Dẫn nhiệt, bị ăn mòn |  |
| 3. Cát | c. Tạo với xi măng thành hỗn hợp kết dính |  |
| 4. Đá vôi | d. Khi làm bay hơi nước sẽ thu được muối ăn |  |

**2. Em hãy kể tên một số đồ vật trong gia đình em và cho biết chúng được tạo ra từ nguyên liệu nào?**

**Hoạt động 7: Vận dụng**

a. Mục tiêu:Vận dụng kiến thức đã học vào cuộc sống.

b. Nội dung:Hoàn thành câu hỏi tự luận

c. Sản phẩm:Câu trả lời của HS

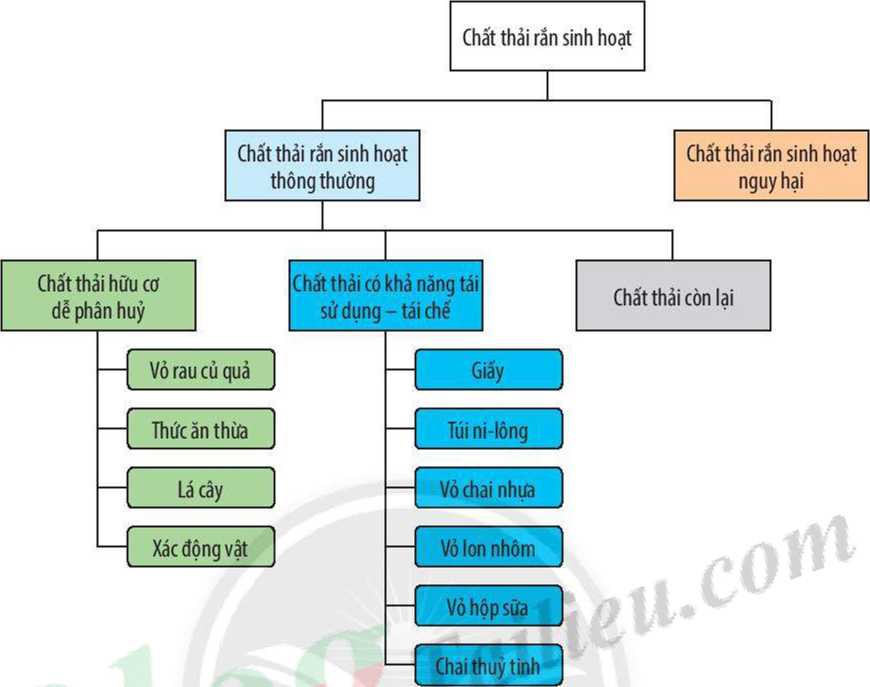
d. Tổ chức hoạt động:hoạt động nhóm hoặc hoạt động cá nhân trả lời câu hỏi.

\* Em có thể làm được những sản phẩm nào khi sử dụng chất thải sinh hoạt làm nguyên liệu?

**Hoạt động 8: Tìm tòi – Mở rộng**

**\* Mở rộng**

* GV hướng dẫn HS phân loại chất thải sinh hoạt theo sơ đồ :



- Qua sơ đồ trên, các nhóm HS có thể tìm hiểu cách tái chế rác thải thành các sản phẩm hữu ích. Ví dụ: vỏ lon nhôm, chai thuỷ tinh, vỏ chai nhựa có thể dùng làm bình hoa mini; thức ăn thừa, lá cây, xác động vật làm phân vi sinh;..

**C. Dặn dò**

-Trả lời câu hỏi cuối bài. Làm bài tập SBT

- Mỗi nhóm làm một sản phẩm hữu ích từ vỏ chai nhựa

- Đọc trước bài tiếp theo

**D. Kiểm tra đánh giá thường xuyên**

- Kết thúc bài học, Gv cho học sinh tự đánh giá theo bảng sau

Họ và tên học sinh

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Các tiêu chí | Tốt | Khá | TB | Chưa đạt |
| Chuẩn bị bài trước khi đến lớp |  |  |  |  |
| Tham gia hoạt động nhóm theo yêu cầu của GV |  |  |  |  |
| Nêu được khái niệm khoa học tự nhiên |  |  |  |  |
| Nêu được vai trò của khoa học tự nhiên |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Ngày soạn: 20/11/2021**  **Ngày dạy: 23/11/2021** | **Tuần 12**  **Tiết 47** |

**BÀI 14: MỘT SỐ LƯƠNG THỰC - THỰC PHẨM**

(Thời gian thực hiện: 2 tiết)

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- Tính chất một số lương thực – thực phẩm.

- Ứng dụng của một số lương thực – thực phẩm trong đời sống hằng ngày.

**2. Năng lực**

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Chủ động, tự tìm hiểu về tính chất và ứng dụng của lương thực, thực phẩm thông qua SGK và các nguồn học liệu khác.

+ Giao tiếp và hợp tác: Hoạt động nhóm một cách có hiệu quả theo đúng yêu cầu của nhóm trong khi thảo luận về lương thực – thực phẩm, đảm bảo các thành viên trong nhóm đều được tham gia và trình bày báo cáo.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Giải quyết các vấn đề kịp thời với các thành viên trong nhóm để thảo luận hiệu quả và hoàn thành các phương án tìm hiểu tính chất, ứng dụng của một số lương thực- thực phẩm.

- Năng lực khoa học tự nhiên:

+ Nhận thức khoa học tự nhiên: Trình bày được tính chất và ứng dụng của một số lương thực, thực phẩm thường dùng trong đời sống hằng ngày.

+ Tìm hiểu tự nhiên: Đề xuất được phương án tìm hiểu về một số tính chất của một số lương thực, thực phẩm; thu thập dữ liệu, phân tích, thảo luận, so sánh để rút ra được kết luận về về một số tính chất của một số lương thực, thực phẩm.

+ Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học: Biết cách sử dụng một số lương thực, thực phẩm an toàn, hiệu quả và đảm bảo sự phát triển bền vững.

**3. Phẩm chất**

- Tích cực hoạt động nhóm phù hợp với khả năng bản thân

- Có ý thức trong việc sử dụng một số lương thực, thực phẩm an toàn, hiệu quả và đảm bảo sự phát triển bền vững.

- Có niềm say mê, hứng thú với việc khám phá học tập và khoa học tự nhiên

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Clip (ghép ảnh) giới thiệu về một số lương thực – thực phẩm.

- Máy chiếu, laptop

- Giấy A3, bút dạ nhiều màu

- Phiếu học tập:

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **NHÓM: ……..** | |
| Kể tên một số lương thực, thực phẩm | Tính chất của các loại lương thực, thực phẩm |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **NHÓM:……..** | |
| Hình | Kể tên một số lương thực, thực phẩm chủ yếu ở Việt Nam |
| Hình 17.1 |  |

**Bảng 17.1. Một số tính chất và ứng dụng của lương thực**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Lương thực  Đặc điểm | Gạo | Ngô | Khoai lang | Sắn |
| Trạng thái  (hạt, bắp, củ) |  |  |  |  |
| Tính chất  (dẻo, bùi) |  |  |  |  |
| Ứng dụng |  |  |  |  |

**III. Tiến trình dạy học**

**A. Khởi động**

**Hoạt động 1: Chơi trò chơi “Quan sát nhanh – Kết luận nhanh”**

a. Mục tiêu: Tạo ra cho học sinh hứng thú để học sinh bày tỏ được quan điểm cá nhân về một số lương thực, thực phầm và tính chất của chúng.

b. Nội dung: GV tổ chức cho học sinh xem clip về một số lương thực, thực phẩm trong đời sống, HS xem clip và hoàn thành nội dung phiếu học tập.

c. Sản phẩm: Phiếu học tập số 1

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| **- Thông báo luật chơi:**  Quan sát clip để trả lời câu hỏi. Kết thúc clip sẽ kết thúc trả lời câu hỏi. Cuối buổi học, các nhóm đánh giá lẫn nhau cho điểm từng nhóm | - Ghi nhớ luật chơi |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.**  **+** Quan sát hình ảnh trong clip để đưa ra nhận định nhanh một số tên loại lương thực, thực phẩm phổ biến Việt Nam? Em biết gì về tính chất của các loại lương thực, thực phẩm đó?  + Thời gian hoàn thành nhiệm vụ là đúng 3 phút sau khi kết thúc clip. | - Nhận nhiệm vụ |
| **- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:**  **+** Chiếu clip để học sinh quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Thực hiện nhiệm vụ hoàn thành phiếu học tập số 1 |
| **- Thu phiếu học tập của các nhóm** | - Nộp phiếu học tập |
| **- Chốt lại và đặt vấn đề vào bài:** Các em đã đưa ra nhận định của mình về một số loại lương thực, thực phẩm phổ biến cũng như tính chất của chúng. Bài học hôm nay chúng ra sẽ làm rõ vấn đề trên | - Chuẩn bị sách vở học bài |

**B. Hình hành kiến thức mới**

**TIẾT 1**

**Hoạt động 2: Tìm hiểu một số loại lương thực**

a. Mục tiêu: Tìm hiểu một số loại lương thực phổ biến

b. Nội dung: GV tổ chức cho học sinh hoạt động cặp đôi, hướng dẫn HS quan sát hình 17.1 và gợi ý HS thảo luận nội dung 1trong SGK để làm rõ mục tiêu trên

c. Sản phẩm: Phiếu học tập số 2

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.**Quan sát hình ảnh 17.1 SGK hoạt động cặp đôi hoàn thành phiếu học tập số 2, hãy kể tên một số lương thực, thực phẩm phổ biến ở Việt Nam? Hãy cho biết lương thực nào ở hình mà gia đình em sử dụng nhiều nhất? Tại sao? | - Nhận nhiệm vụ |
| **- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:**  **+** Mỗi bàn có 2 bạn sẽ ghép thành 1 cặp đôi, thảo luận và hoàn thành phiếu học tập số 2. Sau khi thảo luận xong, nhóm nào xung phong trình bày có chất lượng tốt sẽ được tặng điểm | - Thực hiện nhiệm vụ thảo luận đôi hoàn thành phiếu học tập số 2 |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập và thảo luận**  **+** Chọn 1 cặp đôi lên bảng trình bày kết quả  + Mời nhóm khác nhận xét  + GV nhận xét sau khi các nhóm đã có ý kiến nhận xét bổ sung | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| **- Tổng kết**  + Tổng hợp để đi đến kết luận về khái niệm lương thực.  + GV có thể hỏi thêm: Em hãy giải thích tại sao người Châu Âu thường ăn bột mì thay cho gạo như người Châu Á?  + Yêu cầu học sinh chốt lại kết luận về khái niệm lương thực. | - Kết luận về khái niệm lương thực.  - Ghi kết luận vào vở |

**Hoạt động 3: Tìm hiểu một số tính chất và ứng dụng của lương thực**

a. Mục tiêu: Hướng dẫn HS tìm hiểu một số tính chất và ứng dụng của lương thực.

b. Nội dung: GV tổ chức và gợi ý cho HS thảo luận nội dung 2 trong SGK và quan sát thực tế để hoàn thành thông tin theo mẫu bảng 14.1.

c. Sản phẩm: Hoàn thành thông tin theo mẫu bảng 14.1. Một số tính chất và ứng dụng của lương thực.

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.**  + Phát cho mỗi nhóm mẫu bảng 14.1  + Cả nhóm quan sát và phân công 1 bạn làm thư ký để ghi vào bảng.  + Thời gian thực hiện nhiệm vụ là 3 phút. Sau khi thực hiện xong các nhóm đổi chéo để chấm điểm | - Nhận nhiệm vụ |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  **+** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm, tiến hành thực hiện nhiệm vụ |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập và thảo luận**  - Mời 1 nhóm lên bảng trình bày kết quả. Các nhóm khác đổi chéo cho nhau để chấm điểm sau khi GV cho đáp án  - Mời nhóm khác nhận xét. | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| **- Đánh giá**  + Yêu cầu học sinh chấm điểm cho các nhóm  + GV thu phiếu học tập để kiểm tra xem các nhóm chấm đúng hay không và lấy điểm | - Các nhóm chấm điểm cho nhóm bạn, báo cáo điểm nhóm bạn |
| **Bước 4: Kết luận và nhận định**Thông qua hoạt động 2 và 3, yêu cầu học sinh kết luận tính chất và ứng dụng của lương thực.  + Trạng thái: hạt, bắp, củ.  + Tính chất: dẻo, bùi.  + Ứng dụng:  + Dựa và tính chất và ứng dụng khác nhau của mỗi loại lương thực mà người ta chế biến thành nhiều sản phẩm thực có giá trị dinh dưỡng. | - Kết luận về tính chất và ứng dụng của lương thực.  - Ghi kết luận vào vở |

|  |  |
| --- | --- |
| **Ngày soạn: 20/11/2021**  **Ngày dạy: 23/11/2021** | **Tuần 12**  **Tiết 48** |

**TIẾT 2**

**Hoạt động 4: Tìm hiểu một số loại thực phẩm**

a. Mục tiêu: Hướng dẫn HS tìm hiểu một số loại thực phẩm phổ biến.

b. Nội dung: GV chia HS trong lớp thành từng cặp hoặc nhóm nhỏ (3-5 em) hướng dẫn HS quan sát việc sử dụng thực phẩm hằng ngày trong gia đình và kể tên một số loại thực phẩm, tìm hiểu các dấu hiệu cho biết thực phẩm bị hư hỏng. GV hướng dẫn các nhóm HS thảo luận những nội dung trong SGK ở hình 17.2, 17.3, 17.4.

c. Sản phẩm: Hoàn thành vào bảng nhóm

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.**  + Các nhóm lắng nghe GV đặt câu hỏi, tìm hiểu để trả lời vào bảng nhóm.  + Kể tên một số loại thực phẩm gia đình em thường sử dụng hằng ngày.  + Tại sao trên bao bì và vỏ hộp các loại thực phẩm thường ghi hạn sử dụng?  + Nêu một số dấu hiệu nhận biết thực phẩm bị hư hỏng. | - Nhận nhiệm vụ  - HS các nhóm tìm hiểu để trả lời câu hỏi đặt ra của GV. |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  **+** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Phân công nhiệm vụ các thành viên trong nhóm, tiến hành thực hiện nhiệm vụ |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập và thảo luận**  - Mời 1 nhóm lên bảng trình bày kết quả. Các nhóm khác đổi chéo cho nhau để chấm điểm sau khi GV cho đáp án  - Mời nhóm khác nhận xét | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét |
| **- Đánh giá**  + Yêu cầu học sinh chấm điểm cho các nhóm  + GV thu phiếu học tập để kiểm tra xem các nhóm chấm đúng hay không và lấy điểm | - Các nhóm chấm điểm cho nhóm bạn, báo cáo điểm nhóm bạn |
| **Bước 4: Kết luận và nhận định**  + GV có thể thêm một số câu hỏi và yêu cầu các nhóm HS tiếp tục hoạt động để bổ sung thêm kiến thức về an toàn thực phẩm như:  . Tại sao phải giữ vệ sinh an toàn thực phẩm?  . Hãy nêu các nguyên nhân gây ngộ độc thức ăn?  . Nếu không giữ vệ sinh an toàn thực phẩm thì sẽ gây ra hậu quả gì?  . Em hãy cho biết cách bảo quản, chế biến và sử dụng một số loại thực phẩm an toàn, hiệu quả.  . Biện pháp nào để duy trì nguồn thực phẩm đa dạng, chất lượng?  . Biện pháp nào để đảm bảm an ninh lương thực?  + Tổng hợp để đi đến kết luận:  . Thực phẩm là sản phẩm chứa: chất bột, chất béo, chất đạm hoặc nước mà con người có thể ăn hoặc uống được nhằm cung cấp các chất dinh dưỡng cho cơ thể.  . Thực phẩm có thể bị biến đổi tính chất khi để lâu ngoài không khí, khi trộn lẫn các loại thực phẩm khác với nhau hoặc bảo quản không đúng cách. | Các nhóm HS tiếp tục hoạt động để bổ sung thêm kiến thức về an toàn thực phẩm  - Kết luận về nội dung bài học.  - Ghi kết luận vào vở |

**Hoạt động 5: Luyện tập**

a. Mục tiêu: Học sinh sử dụng kiến thức đã học trả lời các câu hỏi trong SGK

b. Nội dung: HS làm bảng nhóm để trả lời câu hỏi: Để sử dụng lương thực – thực phẩm an toàn, em thường phải chú ý những điều gì?

c. Sản phẩm: Bảng poster

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.**  + Mỗi nhóm 6 bạn, làm bảng nhóm trả lời câu hỏi: Để sử dụng lương thực – thực phẩm an toàn, em thường phải chú ý những điều gì? | - Nhận nhiệm vụ |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Làm poster |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập và thảo luận**  + Các nhóm treo bảng nhóm lên bảng. GV đánh giá 1 số nhóm | - Theo dõi đánh giá của giáo viên |
| **Bước 4: Kết luận và nhận định**  + Đánh giá được nhóm nào nêu được nhiều chú ý khi sử dụng lương thực - thực phẩm an toàn. Khen ngợi nhóm. | - Học sinh lắng nghe |

**Hoạt động 6: Vận dụng**

a. Mục tiêu: Học sinh vận dụng kiến thức đã học trả lời các câu hỏi thực tế

b. Nội dung: Dùng phiếu học tập trả lời các câu hỏi: Kể tên một số lương thực -thực phẩm được sử dụng làm nguyên liệu để chế biến nước mắm, dầu ăn.

c. Sản phẩm: Phiếu trả lời câu hỏi của học sinh

d. Tổ chức thực hiện

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.**  + Trả lời câu hỏi dưới đây vào phiếu học tập, tiết sau nộp lại cho GV  + Câu hỏi: Kể tên một số lương thực -thực phẩm được sử dụng làm nguyên liệu để chế biến nước mắm, dầu ăn. | - Nhận nhiệm vụ |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**  **+** Thực hiện tại nhà, GV đưa ra hướng dẫn cần thiết | - Thực hiện nhiệm vụ ở nhà |
| **Bước 3: Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập và thảo luận**  + Tiết học tiếp theo nộp phiếu trả lời cho GV | - Theo dõi đánh giá của giáo viên |

**C. Dặn dò**

- Học sinh làm bài tập SGK, SBT

- Chuẩn bị bài mới trước khi lên lớp

**D. Kiểm tra đánh giá thường xuyên**

- Kết thúc bài học, GV cho học sinh tự đánh giá theo bảng sau:

Họ và tên học sinh

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Các tiêu chí | Tốt | Khá | TB | Chưa đạt |
| Chuẩn bị bài trước khi đến lớp |  |  |  |  |
| Tham gia hoạt động nhóm theo yêu cầu của GV |  |  |  |  |
| Nêu được khái niệm lương thực |  |  |  |  |
| Nêu được một số tính chất và ứng dụng của lương thực |  |  |  |  |
| Nêu được một số loại thực phẩm |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Ngày soạn: 10/12/2021**  **Ngày dạy: 13/12/2021** | **Tuần 15**  **Tiết 57** |

**Bài 21: ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA**

Thời gian thực hiện: 02 tiết

**I. Mục tiêu:**

**1. Về kiến thức:**

- Hệ thống hoá kiến thức về chất, dung dịch.

- Vận dụng giải một số bài tập trong chủ đề.

**2. Về năng lực**:

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân trong chủ đề ôn tập.

+ Giao tiếp và hợp tác: Chủ động, gương mẫu, phối hợp với các thành viên trong nhóm để hoàn thành các nội dung ôn tập chủ đề.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Giải quyết vấn đề sáng tạo thông qua việc giải bài tập trong SGK.

- Năng lực KHTN: Hệ thống hoá kiến thức về chất tinh khiết, hỗn hợp và dung dịch.

**3. Về phẩm chất**:

- Có ý thức tìm hiểu về chủ đề học tập say mê và có niềm tin vào khoa học.

- Quan tâm đến bài tổng kết của cả nhóm, có ý chí vượt qua khó khăn khi thực hiện các nhiệm vụ học tập vận dụng, mở rộng.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Máy chiếu, laptop

- Giấy A3,  bút dạ nhiều màu

- Phiếu học tập

**III. Tiến trình dạy học:**

**Tiét 1**

**A. Khởi động bài học:**

**Hoạt động 1: Chơi trò chơi: “ Ai nhanh hơn”**

**a. Mục tiêu**: GV đưa ra tình huống để HS giải quyết trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

**b. Nội dung**: GV tổ chức cho HS nêu được những khái niệm đã học trong chủ đề 5.

Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

**c. Sản phẩm**: HS trả lời câu hỏi định hướng(bảng ghi lại kết quả sắp xếp của HS)

**d. Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Thông báo luật chơi**: HS trả lời câu hỏi.  Mỗi HS nêu 1 KN, nếu đúng được mời 1 HS khác tiếp theo.  Câu trả lời của HS là kiến thức đã học về chất, chất tinh khiết, hỗn hợp, hỗn hợp đồng nhất và hỗn hợp không đồng nhất, dung dịch, **huyền phù, nhũ tương** …  Các nhóm đánh giá lẫn nhau để cho điểm từng nhóm. | Ghi nhớ luật chơi |
| **Giao nhiệm vụ:** Nêu được khái niệm về chất tinh khiết, hỗn hợp…  Thời gian hoàn thành nhiệm vụ là đúng 2 phút. | Nhận nhiệm vụ |
| **Hướng dẫn HS thực hiện nhiệm vụ**: Chiếu clip để HS quan sát, hỗ trợ khi cần thiết. | Thực hiện nhiệm vụ. Hoàn thành nội dung định hướng |
| **Chốt lại và đặt vấn đề vào bài**: Các em đã đưa ra khái niệm đã học ở chủ đề 5. Bài học hôm nay chúng ta sẽ hệ thống lại nội dung trong chủ đề. | Chuẩn bị sách, vở học bài mới. |

**Tiết 2**

**B. Hình thành kiến thức mới:**

**1. Kiến thức cần nhớ**

**Hoạt động 2: Hệ thống hóa kiến thức**

**a. Mục tiêu**: Hệ thống được chất tinh khiết, hỗn hợp, dung dịch, phương pháp tách chất bằng sơ đồ tư duy.

**b. Nội dung**: GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm để làm rõ mục tiêu trên.

**c. Sản phẩm**: Phiếu học tập của HS.

**d. Tổ chức thực hiện**:

**d. Tổ chức thực hiện**:

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV** | **Hoạt động của HS** |
| **Giao nhiệm vụ:**  - Trên phiếu học tập có sơ đồ câm thể hiện các chất đã học trong chủ đề 5.  - Mỗi nhóm phân công các bạn tìm hiểu SGK phần kiến thức cần nhớ và ghi nhận định của mình vào sơ đồ trống.  - Thời gian thực hiện nhiệm vụ là 3 phút. Sau khi thực hiện xong các nhóm đổi chéo để chấm điểm.  **Câu 1 <TH>** Để hòa tan được nhiều muối ăn hơn, ta phải pha muối vào nước nóng hay nước lạnh? Vì sao?  **Câu 2 <VD>** Vào mùa hè, chúng ta thường pha nước chanh đường có đá để giải khát. Theo em, nên hoà tan đường vào nước ấm rồi cho đá vào hay cho đá vào trước rồi mới hoà tan đường?  **Câu 3. <VDC>**Trước kia ở một số vùng chưa có điện, đèn dầu rất phổ biến trong việc thắp sáng. Khi bấc đèn quá ngắn hoặc dầu cạn gần hết làm bấc không chạm tới dầu, có người nhanh trí đã đổ nước vào bình dầu và đèn tiếp tục cháy sáng thêm một thời gian ngắn nữa. Em hãy giải thích tại sao người ta lại làm như thế? | Nhận nhiệm vụ  Câu 1: **<$>** Để hòa tan được nhiều muối ăn hơn, ta phải pha muối vào nước nóng vì các chắn rắn sẽ tan tốt hơn trong nước nóng, do khi nhiệt độ cao, các phân tử muối và nước chuyển động nhanh hơn, dẫn đến số lần va chạm tăng nên chất rắn được hòa tan đều trong nước.  Câu 2: <$> Nên hoà tan đường vào nước ấm trước rồi mới cho đá vào sau. Nếu cho đá vào trước thì nhiệt độ của nước sẽ hạ xuống, làm quá trình hoà tan đường bị chậm lại.  Câu 3: **<$>** Vì dầu hoả không tan trong nước, nhẹ hơn nước và nổi lên trên nên khi cho thêm nước vào, phần dầu hoả sẽ được dâng lên phía trên đến khi chạm bấc đèn, làm cho đèn tiếp tục cháy sáng. |

**C. Dặn dò**

- HS làm bài tập SGK, SBT.

- Chuẩn bị bài mới trước khi lên lớp.

**D. Kiểm tra đánh giá thường xuyên**

Kết thúc bài học GV cho HS tự đánh giá theo bảng sau:

Họ và tên HS:

PHIẾU ĐÁNH GIÁ THƯỜNG XUYÊN

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
|  | Tốt | Khá | TB | Yếu |
| Chuẩn bị bài trước khi đến lớp |  |  |  |  |
| Tham gia hoạt động nhóm yêu cầu của GV |  |  |  |  |
| Hệ thống được kiến thức cần nhớ. |  |  |  |  |
| Giải được các bài tập trong chủ đề |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Ngày soạn: 02/11/2021**  **Ngày dạy: 05/11/2021** | **Tuần 9**  **Tiết 35, 36** |

**KIỂM TRA GIỮA KỲ I**

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

Hệ thống hoá được kiến thức về chất, các thể cơ bản của chất, vật thể….

**2. Năng lực**

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân trong kiểm tra.

+ Giao tiếp và hợp tác: Chủ động, gương mẫu, phối hợp các thành viên trong nhóm hoàn thành các nội dung kiểm tra.

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Đề xuất được cách giải bài tập hợp lí và sáng tạo.

- Năng lực khoa học tự nhiên

Hệ thống hóa được kiến thức về chất, các thể cơ bản của chất, vật thể….

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức tìm hiểu về chủ đề học tập, say mê và có niềm tin vào khoa học.

- Quan tâm đến bài kiểm tra, kiên nhẫn thực hiện các nhiệm vụ học tập vận dụng, mở rộng.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Máy chiếu, laptop.

**III.HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

**A**.**MA TRẬN ĐỀ**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung kiến thức** | **Mức độ nhận thức** | | | | **Tổng** |
| **Nhận biết** | **Thông hiểu** | **Vận dụng** | **Vận dụng cao** |
| **1.** **Mở đầu** | C1 | C2, C3, C4 | C5 |  |  |
| Số câu | **1** | **3** | **1** |  | **5** |
| Số điểm | **0,2đ** | **0,6đ** | **0,2đ** |  | **1đ** |
| **2. Các phép đo** | C6, C7 | C13, C14,C15 | C8, C9, C11 | C10, C12 |  |
| Số câu | **2** | **3** | **3** | **2** | **10** |
| Số điểm | **0,4đ** | **0,6đ** | **0,6đ** | **0,4đ** | **2đ** |
| **3.Các thể của chất.** | C36, C39, C41, C42, C43 | C37,C38,C45C46,C48,C50 | C44, C49 | C40, C47 |  |
| Số câu | **5** | **6** | **2** | **2** | **15** |
| Số điểm | **1đ** | **1,2đ** | **0,4đ** | **0,4đ** | **3đ** |
| **4.** **Tế bào – Đơn vị cơ sở của sự sống** | C16, C17, C18, C19, C20 | C21, C22, C23, C24, C25,C26,C27 | C28, C29, C30, C31 | C32, C33, C34, C35 |  |
| Số câu | **5** | **7** | **4** | **4** | **20** |
| Số điểm | **1đ** | **1,4đ** | **0,8đ** | **0,8đ** | **4đ** |
| Tổng số câu | **13** | **19** | **10** | **8** | **50** |
| Tổng số điểm | **2,6đ** | **3,8đ** | **2đ** | **1,6đ** | **10đ** |

**B.ĐỀ BÀI**

**Khoanh tròn vào một chữ cái trước câu trả lời đúng.**

**Câu 1:** Hoạt động nào sau đây của con người **không** phải hoạt động nghiên cứu khoa học?

A. Tìm hiểu vũ trụ

B. Tìm hiểu vi khuẩn bằng kính hiển vi

C. Tìm kiếm và thăm dò dầu khí ở vùng biển Việt Nam

D. Trồng rau sạch với qui mô lớn trong nhà lưới

**Câu 2.** Theo em, việc lắp ráp pin cho nhà máy điện mặt trời thể hiện vai trò nào dưới đây của khoa học tự nhiên?

A. Chăm sóc sức khoẻ con người.

B. Nâng cao khả năng hiểu biết của con người về tự nhiên.

C. Ứng dụng công nghệ vào đời sống, sản xuất.

D. Hoạt động nghiên cứu khoa học.

**Câu 3**. Sự nóng lạnh là hình thức biểu hiện của loại năng lượng nào?

1. Thế năng.
2. Quang năng.
3. Động năng.
4. Nhiệt năng.

**Câu 4**. Lĩnh vực chuyên nghiên cứu về sản xuất thuốc chữa bệnh thuộc lĩnh vực nào của khoa học tự nhiên?

1. Hóa học và Thiên văn học.
2. Hóa học và Khoa học Trái Đất.
3. Hóa học và Vật lí.
4. Hóa học và Sinh học.

**Câu 5**. Khoa học tự nhiên **không** bao gồm lĩnh vực nào sau đây?

1. Lịch sử loài người.
2. Vật lí học.
3. Khoa học Trái Đất và Thiên văn học.
4. Hóa học và Sinh học.

**Câu 6.**  Giới hạn đo của thước là:

A.1 mét

B. Độ dài giữa hai vạch chỉ liên tiếp trên thước.

C. Độ dài lớn nhất ghi trên thước.

D. Cả 3 câu trên đều sai

**Câu 7.** Độ chia nhỏ nhất của thước là:

A. 1mm

B. Độ dài giữa hai vạch chia liên tiếp trên thước

C. Cả hai câu A, B đều đúng

D. Cả hai câu A, B đều sai

**Câu 8.**Khi đo kích thước của sân đá bóng, người ta nên dùng thước đo nào dưới đây để việc đo được thuận lợi nhất;

A. Thước thẳng có GHĐ 1m, ĐCNN 1cm

B. Thước thẳng có GHĐ 1,5m, ĐCNN 5 mm

C. Thước dây có GHĐ 5 m, ĐCNN 1 cm

D. Thước dây có GHĐ 10m, ĐCNN 1cm

**Câu 9.** Để đo đường kính của 1 viên bi nhỏ hình cầu ta nên dùng thước đo nào dưới đây để có độ chính xác nhất:

A. Thước thẳng có GHĐ 10 cm, ĐCNN 2 mm

B. Thước kẹp có GHĐ 10cm, ĐCNN 2mm

C. Thước thẳng có GHĐ 30cm, ĐCNN 0,5 mm

D. Thước dây có GHĐ 10cm, ĐCNN 1cm

**Câu10.** Một bạn dùng thước đo diện tích tờ giấy hình vuông và ghi kết quả: 104 cm2 . Bạn ấy đã dùng thước đo có ĐCNN nào?

A. 1cm B. Nhỏ hơn 1 cm C. Lớn hơn 1 cm D. Cả A, B, C đều sai

**Câu 11**.Màn hình máy tính nhà Tùng là loại 19 inch. Đường chéo của màn hình đó có kích thước:

A. 48,26 mm B. 4,826 mm

C. 48,26 cm D. 48,26 dm

**Câu 12.**Khi dùng thước đo chuẩn có ĐCNN là 1mm, với quy trình đo đúng cách , thì mỗi lần đo người đo có thể mắc phải sai số tối thiểu do mắt nhìn không thể phân biệt được là:

A. 0,5 mm B.2 mm

C.3 mm D. 4 mm

**Câu 13.** Nguyên nhân nào gây ra sai số khi đo thời gian của một hoạt động?

A. Không hiệu chỉnh đồng hồ

B. Đặt mắt nhìn lệch

C. Đọc kết quả chậm

D. Cả 3 nguyên nhân trên

**Câu 14.** Để đo thời gian của một vận động viên chạy 400m, loại đồng hồ thích hợp nhất là:

A. Đồng hồ treo tường B. Đồng hồ cát

C. Đồng hồ đeo tay D. Đồng hồ bấm giây

**Câu 15.** Khi đo thời gian đi bộ của bà em trên một quãng đường dài 50m, em sẽ đo khoảng thời gian:

A. Từ lúc bà xuất phát tới khi bà về đến đích

B. Từ lúc bà đi được 1 bước tới khi bà về tới đích

C. Bà đi được bộ được 25m rồi nhân đôi

D. Bà đi bộ 100m rồi chia đôi

**Câu 16:**Trong các bộ phận sau, có bao nhiêu bộ phận có ở cả tế bào thực vật và tế bào động vật ?

1. Chất tế bào 2. Màng sinh chất 3.Vách tế bào 4.Nhân

A. 3 B. 2 C. 1 D. 4

**Câu 17:** Khi quan sát dưới kính hiển vi, các tế bào vảy hành thường có hình lục giác, thành phần nào của chúng đã quyết định điều đó ?

A. Không bào B. Nhân

C. Vách tế bào D. Màng sinh chất

**Câu 18:**Một tế bào trứng tiến hành phân chia liên tiếp 4 lần. Hỏi sau quá trình này, số tế bào con được tạo thành là bao nhiêu ?

A. 32 B. 4 C. 8 D. 16

**Câu 19:**Trong các loại tế bào dưới đây, tế bào nào có kích thước lớn nhất ?

A. Tế bào vi khuẩn B. Tế bào trứng ếch

C. Tế bào thịt quả cà chua D. Tế bào vảy hành

**Câu 20:**Tế bào nhân sơ được cấu tạo bởi ba thành phần chính là

A. Màng sinh chất, tế bào chất ,vùngnhân

B. Tế bào chất, vùng nhân, các bào quan

C. Màng sinh chất, các bào quan, vùng nhân

D. Nhân phânhóa, các bàoquan, màng sinh chất

**Câu 21:** Tế bào nào sau đây quan sát được bằng mắt thường?

A. Tế bào trứng cá. B. Tế bào vi khuẩn.

C. Tế bào động vật. D. Tế bào thực vật.

**Câu 22:**Để quan sát những tế bào vô cùng nhỏ ta có thể dùng dụng cụ nào?

A. Kính lúp B. Kính hiển vi

C. Mắt thường D. Không cần

**Câu 23:**Nhận định nào đúng khi nói về hình dạng và kích thước của tế bào?

A. Các loại tế bào đều có chung hình dạng và kích thước

B. Các loại tế bào thường có hình dạng khác nhau nhưng kích thước giống nhau

C. Các loại tế bào khác nhau thường có hình dạng và kích thước khác nhau

D. Các loại tế bào chỉ khác nhau về kích thước, chúng giống nhau về hình dạng

**Câu 24:** Tế bào biểu bì vảy hành có hình dạng gì?

A. Hình cầu B. Hình sợi

C. Hình đĩa D. Hình nhiều cạnh

**Câu 25:** Tế bào trứng cá có hình dạng gì?

A. Hình cầu B. Hình sợi

C. Hình đĩa D. Hình nhiều cạnh

**Câu 26:**Trình tự các bước quan sát tế bào biểu bì vảy hành bằng kính hiển vi quang học?

1. Nhỏ 1 giọt nước cất lên lam kính để sẵn trong đĩa kính dồng hồ.

2. Dùng kim mũi mác bóc nhẹ lớp biểu bì vảy hành

3. Đặt vảy hành đã bóc lên lam kính đã có giọt nước cất, đậy lamen

4. Quan sát dưới kính hiển vi với vật kính 10x, 40x

Đáp án:

A. 1,2,3,4 B. 2,1,3,4 C. 2,1,4,3 D. 1,2,4,3

**Câu 27:**Trường hợp quan sát tế bào biểu bì vảy hành không rõ thì nguyên nhân?

A. Do lát cắt quá dày

B. Do vật kính và thị kính bị mờ

C. Do khoảng cách giữa vật kính và lam kính chưa đúng

D. Tất cả các phương án trên đều đúng

**Câu 28:** Sự lớn lên của tế bào liên quan mật thiết tới quá trình nào dưới đây?

A. Trao đổi chất, cảm ứng và sinh sản B. Trao đổi chất

C. Sinh sản D. Cảm ứng

**Câu 29**: Vật nào sau đây có cấu tạo từ tế bào?

A. Xe ôtô. B.Cây cầu.

C. Cây bạch đàn. D.Ngôi nhà.

**Câu 30**:Sinh vật nào sau đây **không** phải sinh vật đơn bào

A.Cá voi xanh B. Trùng roi

C.Tảo Si lic D. Vi khuẩn

**Câu 31**:Sinh vật nào sau đây **không** phải sinh vật đa bào

A.Cây cà chua B.Con tôm đồng

C.Vi khuẩn lao D. Con giun đất

**Câu 32:**Cấp độ thấp nhất hoạt động độc lập trong cơ thể đa bào là?

A. Hệ cơ quan B. Cơ quan

C. Mô D. Tế bào

**Câu 33:**Tập hợp các mô thực hiện cùng một chức năng hình thành nên:

A. Tế bào B. Mô

C. Cơ quan D. Hệ cơ quan

**Câu 34:Trong cơ thể người gồm mấy loại mô chính ?**

**A. 2 B. 3**

**C.4 D. 5**

**Câu 35:** Ở cơ thể người, cơ quan nào dưới đây nằm trong khoang ngực?

A. Não      B. Phổi

C. Thận       D. Dạdày

**Câu 36.** Để đảm bảo an toàn trong phòng thực hành cần thực hiện nguyên tắc nào dưới đâỵ?

A. Đọc kĩ nội quỵ và thực hiện theo nội quỵ phòng thực hành.

B. Chỉ làm thí nghiệm, thực hành khi có sự hướng dẫn và giám sát của giáo viên

C. Thực hiện đúng nguyên tắc khi sử dụng hoá chất, dụng cụ, thiết bị trong phòng thực hành.

D.Tất cả các ý trên.

**Câu 37.** Khi quan sát tế bào thực vật ta nên chọn loại kính nào?

A. Kính có độ. B. Kính lúp.

C. Kính hiển vi. D. Kính hiển vi hoặc kính lúp đều được.

**Câu 38.**Việc làm nào sau đây được cho là **không** an toàn trong phòng thực hành?

A. Đeo găng tay khi lấy hoá chất.

B. Tự ý làm các thí nghiệm.

C. Sử dụng kính bảo vệ mắt khi làm thí nghiệm.

D. Rửa tay trước khi ra khỏi phòng thực hành.

**Câu 39 .** Các biển báo trong Hình 2.1 có ý nghĩa gì?



A. Cấm thực hiện.

B. Bắt buộc thực hiện.

C. Cảnh bảo nguy hiểm.

D. Không bắt buộc thực hiện.

**Câu 40.** Khi không may bị hoá chất ăn da bám lên tay thì bước đẩu tiên và cẩn thiết nhất là phải làm gì?

A. Đưa ra trung tâm ỵtế cấp cứu.

B. Hô hấp nhân tạo.

C. Lấy lá cây thuốc bỏng ép vào.

D. Cởi bỏ phẩn quẩn áo dính hoá chất, xả tay dưới vòi nước sạch ngay lập tức.

**Câu 41.** Đặc điểm cơ bản để phân biệt vật thể tự nhiên và vật thể nhân tạo là

**A.**vật thể nhân tạo đẹp hơn vật thể tự nhiên**.**

**B.**vật thể nhân tạo do con người tạo ra**.**

**C.**vật thể tự nhiên làm từ chất, còn vật thể nhân tạo làm từ vật liệu**.**

**D.**vật thể tự nhiên làm từ các chất trong tự nhiên, vật thể nhân tạo làm từ các chất nhân tạo**.**

**Câu 42.** Đặc điểm cơ bản để phân biệt vật thể vô sinh và vật thể hữu sinh là

**A.**vật thể vô sinh không xuất phát từ cơ thể sống, vật thể hữu sinh xuất phát từ cơ thể sống**.**

**B.**vật thể vô sinh không có các đặc điểm như trao đổi chất và năng lượng, sinh trưởng và phát triển, sinh sản, cảm ứng, còn vật thể hữu sinh có các đặc điểm trên**.**

**C.**vật thể vô sinh là vật thể đã chết, vật thể hữu sinh là vật thể còn sống**.**

**D.**vật thể vô sinh là vật thể không có khả năng sinh sản, vật thể hữu sinh luôn luôn sinh sản**.**

**Câu 43.** Vật thể tự nhiên là

**A.**Ao, hồ, sông, suối.

**B.**Biển, mương, kênh, bể nước.

**C.**Đập nước, máng, đại dương, rạch.

**D.**Hồ, thác, giếng, bể bơi.

**Câu 44.** Hiện tượng vật lý là

**A.**Đốt que diêm

**B.**Nước sôi

**C.**Cửa sắt bị gỉ

**D.**Quần áo bị phai màu

**Câu 45.** Quá trình nào sau đây thể hiện tính chất hoá học?

**A.**Hoà tan đường vào nước**.**

**B.**Cô cạn nước đường thành đường**.**

**C.**Đun nóng đường tới lúc xuất hiện chất màu đen**.**

**D.**Đun nóng đường ở thể rắn để chuyển sang đường ở thể lỏng**.**

**Câu 46.** Sự chuyển thể nào sau đây xảy ra tại nhiệt độ xác định?

**A.**Ngưng tụ**.**

**B.**Hoá hơi**.**

**C.**Sôi**.**

**D.**Bay hơi**.**

**Câu 47.** Sự sôi là

**A.** Sự chuyển từ thể lỏng sang thể khí diễn ra trong lòng hoặc bề mặt chất lỏng**.**

**B.**Sự chuyển từ thể lỏng sang thể khí**.**

**C.**Sự chuyển từ thể khí sang thể lỏng**.**

**D.**Sự chuyển từ thể lỏng sang thể rắn**.**

**Câu 48.** Sự nóng chảy là

**A.** Sự chuyển từ thể lỏng sang thể khí**.**

**B.**Sự chuyển từ thể khí sang thể lỏng**.**

**C.**Sự chuyển từ thể rắn sang thể lỏng**.**

**D.**Sự chuyển từ thể lỏng sang thể rắn**.**

**Câu 49.** Dãy gồm các tính chất đều thuộc tính chất vật lý là

**A.**Sự cháy, khối lượng riêng

**B.**Nhiệt độ nóng chảy, sự cháy

**C.**Sự phân hủy, sự biến đổi thành chất khác

**D.**Màu sắc, thể rắn – lỏng – khí

**Câu 50.** Tính chất nào sau đây là tính chất hoá học của khí carbon dioxide?

**A.**Chất khí, không màu**.**

**B.**Không mùi, không vị**.**

**C.**Tan rất ít trong nước**.**

**D.**Làm đục dung dịch nước vôi trong (dung dịch calcium hydroxide) **.**

**C. HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ THANG ĐIỂM**

**I .Trắc nghiệm ( 0,2 điểm/ CÂU)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Câu | 1D | 2C | 3D | 4D | 5A | 6C | 7B | 8D | 9B | 10B |
| Câu | 11D | 12A | 13D | 14D | 15A | 16A | 17C | 18D | 19B | 20A |
| Câu | 21A | 22B | 23C | 24D | 25A | 26A | 27D | 28B | 29C | 30A |
| Câu | 31D | 32D | 33C | 34C | 35B | 36D | 37C | 38B | 39A | 40D |
| Câu | 41B | 42B | 43A | 44B | 45C | 46C | 47A | 48C | 49D | 50D |

**D. THỐNG KÊ ĐIỂM**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| stt | lop | ss | Điểm | | | | | | | | | | %trên tb |
|  |  |  | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |  |
|  |  |  | SL | SL | SL | SL | SL | SL | SL | SL | SL | SL |  |
| **1** | **6B** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| Ngày 27 tháng 10 năm 2021  **TỔ/ NHÓM DUYỆT ĐỀ** | Ngày tháng 10 năm 2021  T**.M. BAN GIÁM HIỆU** |

**Lê Thị Anh Đào**

|  |  |
| --- | --- |
| **Ngày soạn: 26/11/2021**  **Ngày dạy: 29/11/2021** | **Tuần 13**  **Tiết 49** |

**ÔN TẬP CHỦ ĐỀ 4**

**Một số vật liệu, nhiên liệu, nguyên liệu, lương thực – thực phẩm thông dụng;**

**Tính chất và ứng dụng của chúng**

(Thời gian thực hiện: 1 tiết)

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- Hệ thống lại một số tên, tính chất của nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, lương thực, thực phẩm

**2. Năng lực**

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Chủ động, gương mẫu, phối hợp với các thành viên trong nhóm để hoàn thành các nội dung ôn tập chủ đề;

+ Giao tiếp và hợp tác: Tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân trong chủ đế ôn tập;

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc giải bài tập.

- Năng lực khoa học tự nhiên:

+ Hệ thống hoá được kiến thức về vật liệu, nguyên liệu, nhiên liệu, lương thực - thực phẩm.

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức tìm hiểu về chủ đề học tập, say mê và có niềm tin vào khoa học;

- Quan tâm đến bài tổng kết của cả nhóm, có ý chí vượt qua khó khăn khi thực hiện các nhiệm vụ học tập vận dụng, mở rộng.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Giấy A4, bút dạ nhiều màu

- Phiếu học tập:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **PHIẾU HỌC TẬP**  NHÓM: …… | | | | |
| Tên | Vật liệu | Nhiên liệu | Nguyên liệu | Thực phẩm |
| Cây mía |  | x | x | x |
| Thân mía |  | x | x | x |
| Lá mía, rễ mía |  | x |  |  |
| Nước mía |  |  | x | x |
| Bã mía |  | x | x |  |
| Rỉ đường |  |  | x | x |
| Đường ăn |  |  | x | x |

**III. Tiến trình dạy học**

**A. Khởi động**

**Hoạt động 1: Chơi trò chơi “Ai nhanh nhất”**

a. Mục tiêu: Tạo ra cho học sinh hứng thú để học sinh tư duy tìm ra đáp án các câu hỏi về nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, lương thực, thực phẩm.

b. Nội dung: GV tổ chức cho học sinh trả lời nhanh trực tiếp một số câu hỏi nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, lương thực, thực phẩm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| **- Thông báo luật chơi:** Sau khi nghe câu hỏi bạn nào giơ tay nhanh nhất sẽ được quyền trả lời, nếu trả lời đúng sẽ được danh hiệu giỏi nhất trong lĩnh vực đó và được cộng 0,5 điểm vào điểm thường xuyên, trả lời sai quyền trả lời dành cho người tiếp theo. | - Ghi nhớ luật chơi |
| **- Giao nhiệm vụ:**  Câu hỏi 1: Bã mía là nguyên liệu hay nhiên liệu? | - Nhận nhiệm vụ  + Tùy mục đích sử dụng nó có thể là nguyên liệu hay nhiên liệu |
| **- Chốt lại và đặt vấn đề vào bài:**   Bài học hôm nay chúng ra sẽ tổng hợp các vấn đề trên | - Chuẩn bị sách vở học bài |

**B. Hình hành kiến thức mới**

**Hoạt động 2: Hệ thống hóa kiến thức**

a. Mục tiêu: Hệ thống lại các kiến thức về tính chất, ứng dụng đã học về nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, lương thực, thực phẩm.

b. Nội dung: GV tổ chức cho học sinh hoạt động nhóm để hoàn thiện sơ đồ tư duy về tên, tính chất, ứng dụng của nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, lương thực, thực phẩm.

c. Sản phẩm: Tổng hợp phiếu học tập của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.**Trình bày một số tên, tính chất, ứng dụng của nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, lương thực, thực phẩm bằng sơ đồ tư duy. | - Nhận nhiệm vụ |
| **- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:**  **+** Chia lớp thành 4 nhóm lớn và thảo luận  + HS thảo luận | - Thực hiện nhiệm vụ thảo luận đôi hoàn thành phiếu học tập số 2 |
| **- Báo cáo kết quả:**  **+** Nhóm nhanh nhất lên bảng trình bày kết quả.  + Mời nhóm khác nhận xét  + GV nhận xét sau khi các nhóm đã có ý kiến nhận xét bổ sung | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét. |
| **- Tổng kết**  + Tổng hợp bổ sung vào sơ đồ của học sinh cho hoàn thiện  + Yêu cầu học sinh đọc lại sơ đồ tư duy một cách khoa học | - Ghi sơ đồ vào vở (có thể dùng nhiều màu sắc để dễ nhớ) |

**Hoạt động 3: Bài tập**

a. Mục tiêu: Học sinh làm được các bài tập liên quan đến tên, tính chất, ứng dụng của nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, lương thực, thực phẩm.

b. Nội dung: Bài tập 1,2: Gv yêu cầu học sinh làm việc theo cặp, bài tập 2: GV cho hs thảo luận nhóm trả lời vào phiếu học tập

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh, kết quả phiếu học tập

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| **- Giao nhiệm vụ:**  + BT1: Cho HS dựa vào sách giáo khoa thảo luận theo cặp trả lời câu hỏi 1,2. Sau đó cặp trả lời nhanh nhất sẽ được quyền trả lời và cộng điểm nếu đúng | - Nhận nhiệm vụ |
| **- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:**  **+** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Phân công nhiệm vụ các thành viên , tiến hành thực hiện nhiệm vụ |
| **- Báo cáo kết quả:**  **BT1:**  + Chọn cặp xung phong nhanh nhất trình bày câu trả lời  + Yêu cầu các cặp hs khác nhận xét  + Nhận xét và sửa sai cho hs nếu có  GV phân tích , chọn phương án  + Câu 1: C: nguyên liệu  + Câu 2a: (1)nguyên liệu, (2)nguyên liệu  + Câu 2b: (1)vật liệu, (2)nguyên liệu | - Cặp nhanh nhất trình bày kết quả  - Các cặp khác nhận xét    - Ghi đáp án |
| **- Đánh giá**  + Cặp trả lời nhanh nhất và đúng được cộng 1 điểm  + Cho HS chấm chéo, 2 nhóm được chấm điểm cao nhất trong phiếu học tập được cộng 1 điểm.  + GV thu phiếu học tập để kiểm tra xem các nhóm chấm đúng hay không. | - Các nhóm chấm điểm cho nhóm bạn, báo cáo điểm nhóm bạn |

**Hoạt động 4: Luyện tập**

a. Mục tiêu: học sinh sử dụng kiến thức đã học trả lời một số câu hỏi mà giáo viên đưa ra

b. Nội dung: Giáo viên đọc câu hỏi, học sinh trả lời nhanh

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| **- Giao nhiệm vụ:**  Giáo viên hỏi nhanh một số câu hỏi như sau để học sinh lựa chọn đáp án đúng:  **Câu 1:** Để làm đường ray tàu hoả, người ta sử dụng vật liệu nào dưới đây?  A. Nhôm; B. Đồng; c. Sắt; D.Thép.  **Câu 2**:  Để xây tường, lát sân người ta sử dụng vật liệu nào dưới đây?   A.Gạch; B. Ngói.  C.Thuỷtinh.       D. Gỗ. | - Nhận nhiệm vụ |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**GV hỗ trợ khi cần thiết | + HS thực hiện nhiệm vụ |
| **- Báo cáo kết quả:**  + Các học sinh lần lượt trả lời các câu hỏi  + GV đánh giá | + Câu 1: D  + Câu 2: A  - Theo dõi đánh giá của giáo viên |
| **- Tổng kết:**  + GV chốt và giải thích lại thắc mắc của học sinh nếu có  + HS trả lời đúng và nhanh nhất được cộng 0,5 điểm | - Học sinh lắng nghe |

**Hoạt động 5: Vận dụng**

a. Mục tiêu: học sinh vận dụng kiến thức đã học trả lời các câu hỏi thực tế

b. Nội dung: Giáo viên giao và hướng dẫn bài tập về nhà cho học sinh

c. Sản phẩm: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| **- Giao nhiệm vụ:**  + Trả lời câu hỏi dưới đây giấy, tiết sau nộp lại cho GV  Câu hỏi: Trung bình, mỗi ngày bạn Minh ăn 200 g gạo chứa 80% tinh bột. Dựa vào bảng số liệu về hàm lượng tinh bột và năng lượng của một số loại lương thực (trang 69, SGK) hãy cho biết:  a) Mỗi ngày, bạn Minh được cung cấp bao nhiêu kJ năng lượng từ việc ăn gạo.  b) Nếu ăn thêm 100 g khoai lang mỗi ngày thì lượng tinh bột bạn Minh hấp thụ được là bao nhiêu gam? Năng lượng từ lượng tinh bột bạn Minh hấp thụ mỗi ngày là bao nhiêu kJ. | - Nhận nhiệm vụ |
| **- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:**  **+** Thực hiện tại nhà, GV đưa ra hướng dẫn cần thiết | - Thực hiện nhiệm vụ ở nhà |
| **- Báo cáo kết quả:**  + Tiết học tiếp theo nộp phiếu trả lời cho GV | - Theo dõi đánh giá của giáo viên. |

**C. Dặn dò**

- Học sinh làm bài tập SBT

- Chuẩn bị bài mới trước khi lên lớp

**D. Kiểm tra đánh giá thường xuyên**

- Kết thúc bài học, Gv cho học sinh tự đánh giá theo bảng sau:

Họ và tên học sinh

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Các tiêu chí | Tốt | Khá | TB | Chưa đạt |
| Chuẩn bị bài trước khi đến lớp |  |  |  |  |
| Tham gia hoạt động nhóm, cặp theo yêu cầu của GV |  |  |  |  |
| Xây dựng được sơ đồ tên, tính chất của nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, lương thực, thực phẩm |  |  |  |  |
| Thực hiện các bài tập được giao |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **Ngày soạn: 26/11/2021**  **Ngày dạy: 29/11/2021** | **Tuần 13**  **Tiết 50** |

**ÔN TẬP**

(Thời gian thực hiện: 1 tiết)

**I. Mục tiêu**

**1. Kiến thức**

- Vận dụng để tìm ra ứng dụng của nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, lương thực, thực phẩm trong đời sống

**2. Năng lực**

- Năng lực chung:

+ Tự chủ và tự học: Chủ động, gương mẫu, phối hợp với các thành viên trong nhóm để hoàn thành các nội dung ôn tập chủ đề;

+ Giao tiếp và hợp tác: Tích cực thực hiện các nhiệm vụ của bản thân trong chủ đế ôn tập;

+ Giải quyết vấn đề và sáng tạo: Giải quyết vấn đề và sáng tạo thông qua việc giải bài tập.

- Năng lực khoa học tự nhiên:

+ Hệ thống hoá được kiến thức về vật liệu, nguyên liệu, nhiên liệu, lương thực - thực phẩm.

**3. Phẩm chất**

- Có ý thức tìm hiểu về chủ đề học tập, say mê và có niềm tin vào khoa học;

- Quan tâm đến bài tổng kết của cả nhóm, có ý chí vượt qua khó khăn khi thực hiện các nhiệm vụ học tập vận dụng, mở rộng.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

- Bút dạ nhiều màu

**III. Tiến trình dạy học**

**A. Khởi động**

**Hoạt động 1.**

a. Mục tiêu: Tạo ra cho học sinh hứng thú để học sinh tư duy tìm ra đáp án các câu hỏi về nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, lương thực, thực phẩm.

b. Nội dung: GV tổ chức cho học sinh trả lời nhanh trực tiếp một số câu hỏi nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, lương thực, thực phẩm.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| **- Thông báo luật chơi:** Sau khi nghe câu hỏi bạn nào giơ tay nhanh nhất sẽ được quyền trả lời, nếu trả lời đúng sẽ được danh hiệu giỏi nhất trong lĩnh vực đó và được cộng 0,5 điểm vào điểm thường xuyên, trả lời sai quyền trả lời dành cho người tiếp theo. | - Ghi nhớ luật chơi |
| **- Giao nhiệm vụ:**  Câu hỏi 1: Khoai lang thường được dùng để làm gì?  Câu hỏi 2: Các đồ chơi trẻ em thường làm bằng vật liệu gì? | - Nhận nhiệm vụ  +Thức ăn cho người, thức ăn gia súc…  + Nhựa, màu |
| **- Chốt lại và đặt vấn đề vào bài:** Thông qua các câu hỏi giáo viên có thể dẫn dắt học sinh tổng hợp lại các kiến thức về nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, lương thực, thực phẩm. Một vật có thể là nguyên liệu của ngành này nhưng lại là nhiên liệu cho ngành khác….   Bài học hôm nay chúng ra sẽ tổng hợp các vấn đề trên | - Chuẩn bị sách vở học bài |

**B. Hình hành kiến thức mới**

**Hoạt động 2: Hệ thống hóa kiến thức**

a. Mục tiêu: Hệ thống lại các kiến thức về tính chất, ứng dụng đã học về nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, lương thực, thực phẩm.

b. Nội dung: GV tổ chức cho học sinh hoạt động nhóm để hoàn thiện sơ đồ tư duy về tên, tính chất, ứng dụng của nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, lương thực, thực phẩm.

c. Sản phẩm: Tổng hợp phiếu học tập của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ.Câu 1<TH>** Mô hình 3R có nghĩa là gì?  A. Sử dụng vật liệu có hiệu quả, an toàn, tiết kiệm.  B. Sử dụng các vật liệu ít gây ô nhiễm môi trường.  C. Sử dụng vật liệu với mục tiêu giảm thiểu, tái chế, tái sử dụng.  D. Sử dụng vật liệu chất lượng cao, mẫu mã đẹp, hình thức phù hợp.  **Câu 2<VD>** Để sử dụng gas hiệu quả người ta dùng biện pháp nào sau đây?  A. Tùy nhiệt độ cần thiết để điều chỉnh lượng gas.  B. Tốt nhất nên để gas ở mức độ lớn nhất.  C. Tốt nhất nên để gas ở mức độ nhỏ nhất.  D. Ngăn không cho khí gas tiếp xúc với carbon dioxide. | - Nhận nhiệm vụ |
| **- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:** | - Thực hiện nhiệm vụ hoàn thành câu hỏi.  Câu 1: C, Câu 2:A |
| **- Báo cáo kết quả:**  **+** Nhóm nhanh nhất lên bảng trình bày kết quả.  + Mời nhóm khác nhận xét  + GV nhận xét sau khi các nhóm đã có ý kiến nhận xét bổ sung | - Nhóm được chọn trình bày kết quả  - Nhóm khác nhận xét. |

**Hoạt động 3: Bài tập**

a. Mục tiêu: Học sinh làm được các bài tập liên quan đến tên, tính chất, ứng dụng của nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, lương thực, thực phẩm.

b. Nội dung: Bài tập 1,2: Gv yêu cầu học sinh làm việc theo cặp, bài tập 2: GV cho hs thảo luận nhóm trả lời vào phiếu học tập

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh, kết quả phiếu học tập

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| **- Giao nhiệm vụ:**  **Câu 1<VDC>** Tại sao khi gió thổi mạnh vào đống lửa to thì nó càng cháy mạnh còn thổi vào ngọn nến thì nó tắt ngay?  **Câu 2<TH>** Khẩu phần ăn có ảnh hưởng rất lớn tới sức khỏe và sự phát triển của cơ thể con người. Hãy cho biết:   1. Khẩu phần ăn đầy đủ phải bao gồm những chất dinh dưỡng nào? 2. Để xây dựng khẩu phần ăn hợp lí, ta cần dựa vào những căn cứ nào? | - Nhận nhiệm vụ |
| **- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:**  **+** GV quan sát, hỗ trợ khi cần thiết | - Phân công nhiệm vụ các thành viên , tiến hành thực hiện nhiệm vụ |
| **- Báo cáo kết quả:**  **BT1:**  + Chọn cặp xung phong nhanh nhất trình bày câu trả lời  + Yêu cầu các cặp hs khác nhận xét  + Nhận xét và sửa sai cho hs nếu có  GV phân tích  Câu 1: Khi thổi vào đống lửa to, gió cung cấp thêm nhiều oxygen nên đống lửa sẽ cahys mạnh hơn. Còn khi gió thổi mạnh vào ngọn nến, nó làm nhiệt độ ngọn nến hạ đột ngột xuống dưới nhiệt độ cháy nên ngọn nến sẽ tắt.  Câu 2:  a) Khẩu phần ăn đầy đủ phải có đủ các chất dinh dưỡng: protein, lipid, carbohydrate, vitamin và chất khoáng.  b) Khẩu phần ăn hợp lí là khẩu phần ăn:  - Đảm bảo đủ lượng thức ăn phù hợp với từng đối tượng;  - Đảm bảo đủ các thành phần dinh dưỡng hữu cơ, vitamin, muối khoáng;  - Đảm bảo cung cấp đủ năng lượng cho nhu cầu của cơ thể. | - Cặp nhanh nhất trình bày kết quả  - Các cặp khác nhận xét    - Ghi đáp án |
| **- Đánh giá**  + Cặp trả lời nhanh nhất và đúng được cộng 1 điểm  + Cho HS chấm chéo, 2 nhóm được chấm điểm cao nhất trong phiếu học tập được cộng 1 điểm.  + GV thu phiếu học tập để kiểm tra xem các nhóm chấm đúng hay không. | - Các nhóm chấm điểm cho nhóm bạn, báo cáo điểm nhóm bạn |

**Hoạt động 4: Luyện tập**

a. Mục tiêu: học sinh sử dụng kiến thức đã học trả lời một số câu hỏi mà giáo viên đưa ra

b. Nội dung: Giáo viên đọc câu hỏi, học sinh trả lời nhanh

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| **- Giao nhiệm vụ:**  Giáo viên hỏi nhanh một số câu hỏi như sau để học sinh lựa chọn đáp án đúng:  **Câu 1<TH>** Cây nào dưới đây **không phải** là cây lương thực?  A. Lúa. B. Ngô C Mía D Sắn C. Mía. D. Sắn.  **Câu 2 <NB>** Trong các loại lương thực sau, loại nào có hàm lượng tinh bột cao nhất?  A. Gạo B. Lúa mì C. Khoai lang. D. Sắn.  **Câu 3<NB>** Loại thức ăn nào sau đây chứa nhiều chất đạm?  A. Ngô. B. Gạo. C.Rau xanh. D. Thịt | - Nhận nhiệm vụ |
| **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập**GV hỗ trợ khi cần thiết | + HS thực hiện nhiệm vụ |
| **- Báo cáo kết quả:**  + Các học sinh lần lượt trả lời các câu hỏi  + GV đánh giá | + Câu 1:C  + Câu 2: A  Câu 3: D  - Theo dõi đánh giá của giáo viên |
| **- Tổng kết:**  + GV chốt và giải thích lại thắc mắc của học sinh nếu có  + HS trả lời đúng và nhanh nhất được cộng 0,5 điểm | - Học sinh lắng nghe |

**Hoạt động 5: Vận dụng**

a. Mục tiêu: học sinh vận dụng kiến thức đã học trả lời các câu hỏi thực tế

b. Nội dung: Giáo viên giao và hướng dẫn bài tập về nhà cho học sinh

c. Sản phẩm: Bài làm của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của GV | Hoạt động của học sinh |
| **- Giao nhiệm vụ:**  Làm poster về nhiên liệu sạch.  Tiết sau nộp | - Nhận nhiệm vụ |
| **- Hướng dẫn học sinh thực hiện nhiệm vụ:**  **+** Thực hiện tại nhà, GV đưa ra hướng dẫn cần thiết | - Thực hiện nhiệm vụ ở nhà |
| **- Báo cáo kết quả:**  + Tiết học tiếp theo nộp phiếu trả lời cho GV | - Theo dõi đánh giá của giáo viên. |

**C. Dặn dò**

- Học sinh làm bài tập SBT

- Chuẩn bị bài mới trước khi lên lớp

**D. Kiểm tra đánh giá thường xuyên**

- Kết thúc bài học, Gv cho học sinh tự đánh giá theo bảng sau:

Họ và tên học sinh

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Các tiêu chí | Tốt | Khá | TB | Chưa đạt |
| Chuẩn bị bài trước khi đến lớp |  |  |  |  |
| Tham gia hoạt động nhóm, cặp theo yêu cầu của GV |  |  |  |  |
| Xây dựng được sơ đồ tên, tính chất của nguyên liệu, vật liệu, nhiên liệu, lương thực, thực phẩm |  |  |  |  |
| Thực hiện các bài tập được giao |  |  |  |  |